

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMDP)
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Đơn vị thực hiện: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Tỉnh Quảng Trị

Quảng Trị, tháng 6 năm 2025

Nội dung

1.GIỚI THIỆU VÀ BỐI CẢNH	6
2.KHUNG PHÁP LÝ	9
3. QUY TRÌNH EMDP	10
4. HỒ SƠ KINH TẾ - XÃ HỘI	12
5. TÁC ĐỘNG XÃ HỘI	20
6. CÔNG BỐ THÔNG TIN	28
7. CƠ CHẾ PHẢN HỒI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	29
8. SẮP XẾP THẺ CHẾ	31
9. NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN	34
10. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	38
11.NGÂN SÁCH	40
12. KẾT LUẬN	42

Từ viết tắt và chữ viết tắt

PDOJ	Sở Tư pháp
BSP	Kế hoạch chia sẻ lợi ích
CEMA	Ủy ban Dân tộc
CF	Quỹ Carbon
CFM	Quản lý rừng cộng đồng
CGRC	Ban giải quyết khiếu nại cấp xã
CPC	UBND xã
CSO	Tổ chức xã hội dân sự
DAE	Sở Nông nghiệp và Môi trường (tỉnh) trước đây là Sở Nông nghiệp và PTNT
DDOJ	Phòng Tư pháp huyện
DGRC	Ban giải quyết khiếu nại cấp huyện
DFFP	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
DPC	UBND huyện
E & S	An toàn môi trường và xã hội
EM	Dân tộc thiểu số/người bản địa
EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
EMPF	Khung chính sách dân tộc thiểu số
ER	Giảm phát thải
ER-P	Chương trình Giảm phát thải (khu vực)
ER-PD	Tài liệu Chương trình Giảm phát thải
ERPA	Thỏa thuận chi trả giảm phát thải
ESMF	Khung quản lý môi trường và xã hội
FCPF	Quỹ Đối tác Carbon rừng
FGD	Thảo luận nhóm tập trung
FGRM	Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại
FMB	Ban quản lý rừng (bao gồm SUFMB, PFMB và SFC)
FPD	Cục Kiểm lâm
FPIC	Tham vấn tự nguyện, trước và có đầy đủ thông tin

GOV	Chính phủ Việt Nam
GRM	Cơ chế giải quyết khiếu nại
GSO	Tổng cục Thống kê
HH	Hộ gia đình
MAE	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
NCR	Vùng Bắc Trung Bộ
NTFP	Lâm sản ngoài gỗ
PFDFP	Quỹ Phát triển và Bảo vệ rừng cấp tỉnh (Quỹ tỉnh)
PFMB	Ban quản lý rừng phòng hộ
PPC	UBND tỉnh
RP	Kế hoạch tái định cư
RPF	Khung chính sách tái định cư
SESA	Đánh giá môi trường và xã hội chiến lược
SFC	Công ty lâm nghiệp nhà nước
SFM	Quản lý rừng bền vững
SUFMB	Ban quản lý rừng đặc dụng
VGRC	Ban giải quyết khiếu nại cấp thôn
VNFF	Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam
VWU	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới

1. GIỚI THIỆU VÀ BỐI CẢNH

1.1 Giới thiệu về Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (ERPA)

Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (ERPA) cho 10,3 triệu tấn lượng giảm phát thải (GPT) được ký kết vào ngày 22/10/2020 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) với tư cách là Cơ quan thực hiện chương trình và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (IBRD) với tư cách là Bên được ủy thác của Quỹ Đối tác Carbon Rừng (FCPF).

Năm 2023 Quảng Trị là một trong 6 tỉnh Bắc Trung Bộ tham gia vào chương trình thí điểm thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ ERPA nhận về hơn 65 tỷ để thực hiện chi trả cho hơn 126 ngàn hecta rừng tự nhiên trong 3 năm 2023-2025. Nguồn thu từ ERPA đã góp phần vào mục tiêu về biến đổi khí hậu, bảo tồn hệ sinh thái và cam kết giảm phát thải theo chương trình REDD+. Chính sách này đem lại những kết quả tích cực cho hoạt động bảo vệ, phát triển hệ sinh thái rừng và kinh tế lâm nghiệp.

1.2 Sự cần thiết của Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số (EMDP)

Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) thuộc ERPA được chuẩn bị bởi Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng cấp tỉnh (Quỹ tỉnh - PFPDF), trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (DAE) Tỉnh Quảng Trị, và kết nối với Chương trình Giảm phát thải (ER-P) cho Khu vực Bắc Trung Bộ (NCR) với sự tham gia của năm tỉnh khác. Mục đích cụ thể của Biểu mẫu EMDP ngắn gọn này là nhằm hỗ trợ cán bộ đầu mối về bảo đảm an toàn (BDAT) của Quỹ tỉnh và giúp Quỹ tỉnh xây dựng được kế hoạch thực hiện khả thi nhằm triển khai các hoạt động ở cấp thôn làng và cộng đồng có người dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống.

Chương trình Giảm phát thải (ER-P) có bốn hợp phần như sau: 1) Tăng cường quản trị rừng và thực thi pháp luật; 2) Quản lý rừng và quản lý trữ lượng carbon; 3) Thúc đẩy nông nghiệp thông minh về khí hậu và sinh kế bền vững cho những người phụ thuộc vào rừng; và 4) Quản lý chương trình và giám sát phát thải. Chương trình GPT yêu cầu xây dựng Kế hoạch Chia sẻ Lợi ích (BSP) để hỗ trợ và thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương¹, điều này đã được thể chế hóa thông qua **Nghị định 107/2022/NĐ-CP, ngày 28/12/2022**, các khía cạnh chính của Nghị định liên quan đến việc thực hiện BSP bao gồm:

Điều 6. Các nội dung được chi trả

¹ Theo Khung Phương pháp của FCPF, BSP là một yêu cầu bắt buộc, theo Mục 5.2 "... BSP sẽ quy định chi tiết về các thỏa thuận chia sẻ lợi ích đối với các lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ, v.v.

1. Hỗ trợ các hoạt động lâm nghiệp để giảm phát thải khí nhà kính, gồm:

a) Rà soát, xây dựng, bổ sung hoàn thiện các hướng dẫn cơ chế, chính sách về GPT khí nhà kính trong lâm nghiệp;

b) Rà soát, theo dõi, đánh giá biến động trữ lượng các-bon rừng; kiểm tra việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác; tổ chức triển khai các giải pháp về quản lý rừng bền vững;

c) Tăng cường thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; và

d) Nâng cao năng lực cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động quản lý, bảo vệ rừng.

2. Hoạt động đóng góp trực tiếp cho GPT khí nhà kính, gồm:

a) Bảo vệ rừng tự nhiên;

b) Can thiệp lâm sinh theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế, gồm:

a) Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi; quản lý lập địa và phát triển kinh tế rừng trồng; mua sắm thiết bị chế biến nông lâm sản; tham quan học tập xây dựng các mô hình trình diễn về phát triển sinh kế gắn với bảo vệ và phát triển rừng;

b) Hỗ trợ các công trình công cộng của cộng đồng dân cư như công trình nước sạch, điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa và các công trình khác, được cộng đồng tham gia quản lý rừng thống nhất đề xuất;

c) Hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật, xây dựng các hương ước, quy chế, cam kết thực thi pháp luật.

4. Hoạt động quản lý, gồm:

a) Quản lý và điều phối nguồn thu;

b) Hoạt động kiểm tra, giám sát đánh giá;

c) Đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả GPT;

d) Truyền thông, tuyên truyền;

đ) Hoạt động giải quyết thắc mắc, khiếu nại và phản hồi.

Mối liên hệ với EMDP: Hợp phần 1) gồm hoạt động phổ biến thông tin về chuyển đổi rừng tự nhiên có liên quan đến các nhóm DTTS thuộc các cộng đồng mục tiêu của các thôn tại các huyện Đakrông, Hướng Hóa và Vĩnh Linh. Điều này đáp ứng yêu cầu của OP/BP4.10 của NHTG liên quan đến tham vấn tự nguyện, trước, và có đầy đủ thông tin (FPIC) đối với các nhóm DTTS (chỉ có hai nhóm DTTS lớn ở Tỉnh Quảng Trị là Vân Kiều và Pa cô).

Hợp phần khác có liên quan trực tiếp đến nay là Hợp phần 3. Quỹ tỉnh đã thực hiện đánh giá về nhân lực và tài chính và lắng nghe các ưu tiên của từng nhóm DTTS. Báo cáo cho thấy có sự hỗ trợ về cải tiến giống cây trồng để tăng cường an ninh lương thực và tạo ra thặng dư có thể đổi lấy hàng hóa và các dịch vụ khác, cải tiến giống vật nuôi, hệ thống thông tin và các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ trong các cộng đồng dân cư.

Quỹ tỉnh hiểu rõ nguyên tắc FPIC nên áp dụng cho tất cả các hoạt động liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến Chương trình GPT/ Kế hoạch chia sẻ lợi ích (BSP) và Nghị định 107 nếu có ảnh hưởng đến các nhóm DTTS tại Tỉnh Quảng Trị. Quỹ tỉnh cũng hiểu tầm quan trọng của việc nhận thức được các tác động của giới và nghèo đói, cả tích cực và tiêu cực của Chương trình GPT đối với các nhóm dân tộc thiểu số này².

Tính đến tháng 05/2025, Từ nguồn thu ERPA năm 2023 thông qua các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và Công ty lâm nghiệp đã hỗ trợ 66 Cộng đồng dân cư, từ nguồn ERPA năm 2024 có 104 cộng đồng được dự án đã hỗ trợ 170 cộng đồng dân cư có thỏa thuận tham gia hoạt động quản lý rừng được hỗ trợ các mô hình đầu tư phát triển sinh kế quy mô nhỏ (tổng chi trả 8.500.000.000 đồng (khoảng 137.500 USD) tại các cộng đồng có ít nhất 90% người DTTS và có tỷ lệ nghèo là người DTTS dao động từ 80%-90% (năm 2023) ở huyện Đakrông và Hướng Hóa. Dự kiến từ nguồn ERPA năm 2025 sẽ có thêm 110 cộng đồng tiếp tục được hỗ trợ.

Nếu chỉ chi trả không thì sẽ không giúp cải thiện đáng kể sinh kế nhưng Quỹ tỉnh đã thiết kế các hoạt động thuộc Chương trình GPT với mục đích để các khoản tài trợ này, với 5,1% tổng số hoạt động do cộng đồng địa phương đề xuất, sẽ giúp khuyến khích các khoản đầu tư của cộng đồng địa phương thay vì chỉ dựa vào các khoản trợ cấp của chính phủ. Ngoài ra, trong khuôn khổ Chương trình 1719, chính phủ đang tìm

² FPIC là một nguyên tắc quan trọng được đưa vào OP/BP4.10 và được kích hoạt khi một nhóm DTTS tự nhận mình như vậy, có sự gắn bó tập thể với các địa phương cụ thể, thiết lập các thể chế khác với các thể chế của nhà nước, sở hữu ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức. Ý nghĩa của FPIC ở Việt Nam trong thực tế là việc tham vấn để người dân tham gia vào một dự án là cần thiết, nhưng không phải mọi thành viên trong cộng đồng đều cần phải đồng ý tham gia trước khi dự án, hoặc một hành động liên quan đến, được thực hiện như một phần của dự án được triển khai. Điều quan trọng và Quỹ tỉnh cần hiểu rõ là kết quả của việc sử dụng phương pháp tiếp cận FPIC phải được ghi chép đầy đủ.

cách giải quyết tình trạng thiếu đất thổ cư (nay được gọi là khu định cư), nhà ở và đất sản xuất, và khả năng tiếp cận nước sạch. Kế hoạch EMDP không dựa trên những xem xét không thực tế về nhân lực và tài chính, do đó tạo ra một môi trường thuận lợi giúp trao quyền cho người dân địa phương và tăng cường liên kết với chính quyền địa phương.

2.KHUNG PHÁP LÝ

Các luật, nghị quyết và chính sách sau đây có liên quan đến Kế hoạch EMDP, tính đến tháng 12/2024, gồm:

- **Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi) năm 2014** công nhận quyền của các dân tộc thiểu số theo Điều 5 và Điều 75 được sử dụng ngôn ngữ của mình, giữ gìn bản sắc dân tộc và nuôi dưỡng phong tục, truyền thống và văn hóa của họ.

- **Ủy ban Dân tộc, 2004, (Quyết định 185/2004/QĐ-TTg)** Ủy ban có trách nhiệm thực hiện các chính sách và chương trình liên quan đến DTTS và thực thi để đảm bảo rằng các nhóm DTTS này được bao gồm trong các nỗ lực phát triển đất nước và quyền của họ được tôn trọng.

- **Luật Đất đai, 2014, (số 45/2013/QH13)** quy định về quản lý và sử dụng đất đai ở Việt Nam nhằm đảm bảo quyền sử dụng đất đai của cộng đồng DTTS được công nhận và bảo vệ. Điều này bao gồm việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cả phụ nữ và nam giới và được thừa kế quyền sử dụng đất qua các thế hệ.

- **Công nhận quyền sử dụng đất theo phong tục, giao đất và cho thuê đất, 2013, (Số 45/2013/QH13)** bao gồm đất ở và đất nông nghiệp, và đất sản xuất phi nông nghiệp. Cung cấp hỗ trợ cho các hộ nghèo và cận nghèo để đảm bảo tiếp cận đất đai cho các mục đích trên và tham gia vào các quá trình quản lý đất đai.

- **Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, 2017 (Số 16/2017/QH14)** quy định về quản lý và bảo vệ rừng ở Việt Nam, có các quy định về sự tham gia của cộng đồng địa phương, gồm cả người DTTS trong các nỗ lực quản lý và bảo tồn rừng. Cụ thể: 1) công nhận "rừng tín ngưỡng" gắn với tín ngưỡng, tập quán, thông lệ của cộng đồng rừng để bảo vệ các giá trị văn hóa, tinh thần; 2) tầm quan trọng của việc thu hút người DTTS tham gia vào các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng; 3) Giao đất, quyền sử dụng đất rừng được giao và cho thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân người DTTS, 4) đảm bảo quyền sử dụng và hưởng lợi hợp pháp từ tài nguyên rừng.

- **Kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, 2019, (số 88/2019/QH14)** thống nhất các chính sách và sáng kiến cụ thể bao gồm Chương trình 134, 135 giai đoạn 1 và 2 và Chương trình 30a) nhằm thúc đẩy phát triển

kinh tế - xã hội của đồng bào DTTS, chủ yếu sinh sống ở miền núi khác với dân tộc Kinh. Kế hoạch gồm các biện pháp khuyến khích đồng bào DTTS tham gia vào các quá trình ra quyết định ảnh hưởng đến họ và nhằm bảo vệ quyền lợi của họ.

- **Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, (Quyết định 1719/QĐ-TTg-2021)** nhằm giảm nghèo, nâng cao mức sống cho đồng bào DTTS và liên quan đến mở rộng quyền sử dụng đất, phát triển cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường.

- **Thí điểm chuyển giao kết quả GPT khí nhà kính và quản lý tài chính của Chương trình ERPA, 2022 (Nghị định số 107/2022/NĐ-CP)** liên quan đến việc sử dụng các tài liệu hướng dẫn về GPT KNK đối với các đối tượng liên quan, định mức chi phí và các nội dung được chi trả để tăng cường GPT, các hoạt động góp phần trực tiếp vào GPT, phát triển sinh kế và các hoạt động quản lý.

Chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới về DTTS (OP 4.10) nhằm tránh các tác động bất lợi có thể xảy ra đối với người DTTS và tăng cường sự tham gia của họ vào các dự án phát triển thông qua xem xét các yêu cầu và nhu cầu văn hóa của họ. Chính sách trên, được đề cập trong tài liệu mẫu này, đảm bảo rằng các DTTS được thông báo đầy đủ về quyền của họ và được tự do tham gia vào các hoạt động. Chính sách quy định rằng người DTTS không nên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi quá trình phát triển và phải nhận được các lợi ích kinh tế xã hội phù hợp về mặt văn hóa. Các biện pháp giảm thiểu sẽ được xác định nếu cần, đảm bảo rằng quá trình phát triển mang lại lợi ích đáng kể cho các cộng đồng này. Cũng cần lưu ý rằng **OP/BP 4.10** cùng với các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội khác của NHTG cũng được kích hoạt nhưng những biện pháp này không khó tuân thủ dựa trên các hoạt động dự án đã được lên kế hoạch trong tài liệu EMDP này³.

3. QUY TRÌNH EMDP

Trong quá trình chuẩn bị tài liệu EMDP này, đã xem xét các tài liệu liên quan đến các nhóm DTTS ở Việt Nam, gồm rà soát các báo cáo trong mười năm gần đây, cả báo cáo chính thức của chính phủ và báo cáo của từng dự án cụ thể, ví dụ như báo cáo này. Các tài liệu này gồm cả báo cáo định lượng và định tính. Dữ liệu thống kê liên quan ở cấp quốc gia, vùng, tỉnh và huyện cũng được sử dụng để đảm bảo có một cách tiếp cận dựa trên bằng chứng từ các nguồn tài liệu trên và làm tăng tính tin cậy khi xây dựng tài liệu EMDP.

³ Kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) là một phần của gói các công cụ bảo đảm an toàn hỗ trợ Khung QL Môi trường và Xã hội (ESMF), các công cụ khác gồm Khung chính sách DTTS (EMPF), Khung chính sách Tái định cư (RPF), Khung quy trình (PF) và Kế hoạch tái định cư (RP).

Các cuộc điều tra thực địa được thực hiện tại 03 xã được chọn. Có tổng cộng 03 xã ở huyện Đakrông được lựa chọn dựa trên các tiêu chí sau: 1) trên cơ sở có hơn 50% các nhóm người Vân Kiều và Pa cô có khả năng tham gia vào Chương trình GPT; 2) mang tính đại diện cho khu vực đại lý thực hiện Chương trình GPT; và 3) có tỷ lệ nghèo hơn 30%. Mười sáu cuộc khảo sát hộ gia đình gồm 8 hộ nữ và 8 hộ nam, 10 cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính với sự tham gia của 6 phụ nữ và 4 nam giới và 8 cuộc thảo luận nhóm tập trung (FGD) với 40 phụ nữ và 44 nam giới, tổng cộng 84 người, đã được thực hiện. Tổng cộng có 102 dân làng thuộc cả hai nhóm dân tộc thiểu số (58 phụ nữ và 44 nam giới: 75% người Bru-Vân Kiều và 25% DTTS 1) đã tham gia vào các cuộc điều tra thực địa này⁴.

Các quy trình được sử dụng trong điều tra thực địa gồm các cuộc thảo luận nhóm tập trung với sự tham gia của cả nam giới và phụ nữ người DTTS từ hai nhóm DTTS (Vân Kiều và Pa cô). Để đảm bảo hòa nhập xã hội nhiều nhất có thể, cũng tổ chức các cuộc thảo luận nhóm tập trung riêng cho phụ nữ và nam giới cũng như cho những đối tượng nghèo hơn và dễ bị tổn thương, đặc biệt là những người sống trong nghèo đói, có khiếm khuyết về thể chất và người cao tuổi. Các vấn đề được thảo luận xoay quanh lợi ích dự án mang lại, đặc biệt là tác động đến những người tham gia, cũng như mức độ hiệu quả của việc tham gia dự án. Cách tiếp cận định tính này được bổ sung bởi các cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính, trong đó mục đích của các cuộc phỏng vấn là để có được kiến thức chuyên sâu về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị để tìm ra cách tiếp cận có sự tham gia đồng thời mang lại hiệu quả giúp thực hiện Dự án thành công.

Một bảng câu hỏi đã được xây dựng để khảo sát một mẫu ngẫu nhiên các hộ gia đình DTTS. Mục đích của các cuộc điều tra là để có được hiểu biết trực tiếp định lượng về tình trạng kinh tế xã hội của các hộ gia đình cụ thể, đặc biệt là liên quan đến sinh kế có nguồn gốc từ rừng. Tính hữu ích của những cuộc khảo sát này là nó có thể được đối chiếu với các cuộc điều tra hàng năm được thực hiện như một phần của các cuộc điều tra thống kê chung về kinh tế xã hội do tỉnh thực hiện. Ngoài ra, một số cuộc phỏng vấn bổ sung đã được thực hiện bởi các cán bộ xã và thôn và kiểm lâm tại địa bàn vì họ thường có hiểu biết rộng hơn về các vấn đề sinh kế dựa vào lâm nghiệp so với dân làng. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là tài liệu EMDP không coi trọng quan điểm của dân làng địa phương vì hiểu biết của họ đã được tích lũy trong một thời gian dài.

⁴ Các cuộc tham vấn này được tổ chức nhằm hỗ trợ xây dựng EMDP nhưng phản hồi định lượng và định tính của các bên liên quan được tham vấn đều không được cung cấp mặc dù có sự đồng thuận là tất cả các bên liên quan đều đồng ý tham gia vào Chương trình GPT. Một tư vấn độc lập về MT & XH đã thực hiện các cuộc tham vấn này, với sự hỗ trợ của Quỹ tỉnh và Chi cục Kiểm lâm. Các cán bộ của Quỹ tỉnh và Chi cục Kiểm lâm cũng được tham vấn.

Các cuộc điều tra thực địa được thực hiện vào tháng 8/2024 và không được thiết kế như cuộc khảo sát thống kê do Quỹ tỉnh không có nguồn nhân lực hoặc tài chính. Tuy nhiên, các cuộc điều tra là tương đối mạnh mẽ và có sự tham gia nhiều nhất có thể và Quỹ tỉnh tự tin rằng điều này đã được phản ánh trong tài liệu EMDP. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện EMDP, như đã giải thích trong Bảng tóm tắt 6, Mục 10, Quỹ tỉnh sẽ đánh giá, hợp tác với các bên liên quan, cả những người thụ hưởng thực tế và các đối tác thực hiện, xem có cần thiết cập nhật bất kỳ thông tin nào được sử dụng trong EMDP hay không với lưu ý rằng việc đánh giá phải được thực hiện dựa trên các nguồn tài chính sẵn có.

4. HỒ SƠ KINH TẾ - XÃ HỘI

Hồ sơ kinh tế - xã hội của hai nhóm DTTS lớn (Vân Kiều và Pa cô) có liên quan đến Chương trình GPT ở tỉnh Quảng Trị đã được chuẩn bị trong Bảng 1 dưới đây. Hồ sơ này có thể không phải là một bức tranh hoàn chỉnh, ít nhất là vì nó chưa phân tách số liệu về giới như mong muốn, nhưng nó dựa trên dữ liệu cập nhật mới nhất có thể truy cập (đến cuối năm 2023). Tuy nhiên, hồ sơ sẽ được cập nhật khi có dữ liệu cho năm 2024 và 2025 vì cũng cần thiết để theo dõi tác động của các hoạt động của Chương trình GPT đặc biệt hướng tới hai nhóm DTTS này.

Bảng 1 Các chỉ số kinh tế - xã hội liên quan đến các nhóm dân tộc thiểu số⁵

Chỉ số xã hội		
Số liệu mô tả	Pa Cô	Vân Kiều
Quảng Trị là một vùng đất có dấu tích cư trú từ rất sớm. Khảo cổ học đã phát hiện nhiều di chỉ thời tiền sử và sơ sử tại các huyện như Đakrông, Hướng Hóa, Cam Lộ,... cho thấy người Việt cổ và các tộc người bản địa đã sinh sống ở đây từ hàng ngàn năm trước. Các tộc người bản địa như Pa Kô, Vân Kiều là cư dân lâu đời của vùng núi phía Tây Quảng Trị. Họ sống chủ yếu bằng nông nghiệp nương rẫy, săn bắn và hái lượm, với văn hóa đặc trưng mang đậm yếu tố bản địa Trường Sơn. Dân cư Quảng Trị gồm 2 nhóm chính: Người Kinh (chiếm đa số): sống chủ yếu ở đồng bằng, ven biển, chiếm khoảng 88% dân số. Người Pa Kô, Vân Kiều, Tà Ôi,...: sống ở vùng núi phía Tây, với lối sống truyền thống xen lẫn yếu tố hiện đại nhờ các chương trình hỗ trợ của Nhà nước. Các đợt di dân gần đây (từ miền Bắc, từ các khu vực bị thiên tai) cũng góp phần làm đa dạng cấu trúc dân cư tỉnh. HÀNH ĐỘNG EMDP Đảm bảo rằng dữ liệu thống kê cập nhật nhất	Người Pa Kô là một trong những dân tộc thiểu số bản địa sinh sống lâu đời ở miền núi phía Tây tỉnh Quảng Trị, đặc biệt tại các huyện Hướng Hóa và Đakrông. Tính đến năm 2024, dân số người Pa Kô tại tỉnh Quảng Trị được ước tính khoảng 25.000 đến 30.000 người, chiếm khoảng 4–5% tổng dân số toàn tỉnh. Họ là một trong hai cộng đồng dân tộc thiểu số lớn nhất tại Quảng Trị, cùng với người Vân Kiều.	Người Vân Kiều là cư dân bản địa sinh sống lâu đời tại dãy Trường Sơn, giáp ranh giữa Việt Nam và Lào. Trong phân loại chính thức, người Vân Kiều được xếp trong nhóm dân tộc Bru – Vân Kiều. Tính đến năm 2019, theo Tổng điều tra dân số và nhà ở, dân tộc Bru – Vân Kiều tại tỉnh Quảng Trị có khoảng 69.785 người, chiếm khoảng 73,9% tổng số người Bru – Vân Kiều trên toàn quốc (94.598 người)

⁵ Nguồn chính là cơ sở dữ liệu định lượng về kinh tế - xã hội do Tổng cục Thống kê của Chính phủ xây dựng hàng năm

về dân số có sẵn và được phân tách theo giới tính.		
Nguồn gốc ngôn ngữ xã hội giúp xác định tại sao có rất ít điểm tương đồng giữa Tiếng Việt và các ngôn ngữ này. HÀNH ĐỘNG EMDP Dựa trên nguyên tắc FPIC, đó là một thành phần thiết yếu của OP/BP4.10 đảm bảo rằng các cuộc tham vấn được thực hiện bằng ngôn ngữ được lựa chọn của cả người Bru-Vân Kiều và Pa cô.	Ngôn ngữ của dân tộc Pa Kô là tiếng Pa Kô – một ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Môn – Khmer, nhóm ngôn ngữ Nam Á. Đây là ngôn ngữ bản địa, có nguồn gốc lâu đời và mang những nét riêng biệt về âm vị, ngữ pháp và từ vựng.	Người Vân Kiều ở Quảng Trị sử dụng tiếng Bru – Vân Kiều, một ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Môn – Khmer, nhóm ngôn ngữ Nam Á. Đây là ngôn ngữ mẹ đẻ của cộng đồng Vân Kiều, được truyền lại qua nhiều thế hệ và giữ vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn hóa, giao tiếp và tín ngưỡng cộng đồng.
Quan điểm truyền thống và hiện đại của người Kinh về các nhóm DTTS này. HÀNH ĐỘNG EMDP Nhận thấy rằng mặc dù do vị trí lịch sử của người Vân Kiều và Pa cô ở vùng cao so với người Kinh ở vùng thấp, trong lịch sử đã có sự tương tác giữa các nhóm văn hóa khác nhau. Ngoài ra, nhất quán với cách tiếp cận của Việt Nam đối với các DTTS, đã tuyên bố rằng tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng và có một số quyền bất khả xâm phạm.	Quan điểm của người Kinh về các dân tộc thiểu số (DTTS), đặc biệt là người Vân Kiều và Pa Kô, đã có sự chuyển biến rõ rệt từ truyền thống đến hiện đại. Với quan điểm truyền thống thường có sự thiếu hiểu biết và định kiến do ít tiếp xúc và khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, tập quán. Họ thể coi các DTTS là "kém phát triển" do điều kiện kinh tế, xã hội ở vùng sâu, vùng xa và mức độ hòa nhập còn hạn chế. Thì ngày nay, Người Kinh đã thay đổi nhận thức: Hiểu biết sâu sắc hơn, tôn trọng những giá trị văn hóa độc đáo và tăng cường hòa nhập, hợp tác trong mọi lĩnh vực. Quan điểm của người Kinh về các DTTS đã phát triển từ những định kiến ban đầu sang sự bình đẳng, tôn trọng và hợp tác cùng phát triển, dựa trên nền tảng chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam và lịch sử tương tác bền chặt giữa các dân tộc	
Các hệ thống tín ngưỡng truyền thống và tác động đến Hệ thống sinh kế dựa vào rừng vẫn còn phù hợp cho đến ngày nay. HÀNH ĐỘNG EMDP Sẽ cố gắng một cách có ý thức để nhận ra	Các hệ thống tín ngưỡng truyền thống của người Vân Kiều và Pa Kô có vai trò quan trọng trong việc định hình và duy trì sinh kế dựa vào rừng bền vững cho đến ngày nay. * Bảo vệ rừng tự nhiên: Niềm tin vào các vị thần rừng, thần núi, và linh hồn tổ tiên cư ngụ trong rừng giúp thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên một cách có chừng mực để tránh phạm thượng và tai họa.	

hiệu lực của các hệ thống tín ngưỡng này nhưng sẽ có những hiểu biết kỹ thuật giúp tận dụng các hệ thống này nhằm đảm bảo những tín ngưỡng giá trị đã được tích lũy qua hàng trăm năm của người Vân Kiều và Pa cô không bị gạt ra ngoài lề.	* Duy trì tri thức bản địa: Các nghi lễ, vòng đời gắn liền với rừng cũng cố tri thức về cây thuốc, chu kỳ sinh trưởng, cách thức khai thác phù hợp theo mùa vụ, đảm bảo nguồn lợi không bị cạn kiệt. * Thúc đẩy quản lý cộng đồng: Tín ngưỡng đề cao trách nhiệm chung của cộng đồng trong việc bảo vệ "ngôi nhà chung" là rừng, dẫn đến các quy tắc và quy ước bảo vệ rừng được tuân thủ. Hành động của EMDP (Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số) là tôn trọng và tận dụng các hệ thống tín ngưỡng này, thay vì gạt bỏ chúng. EMDP sẽ tiếp cận một cách nhạy cảm và tích hợp, coi các tín ngưỡng truyền thống của người Vân Kiều và Pa Cô là tài sản quý giá, là nền tảng vững chắc để xây dựng các chương trình phát triển sinh kế dựa vào rừng một cách bền vững và hiệu quả.
Vị trí truyền thống của thôn làng, cơ cấu vật chất và quản trị của thôn làng, và các quá trình lãnh đạo và ra quyết định. HÀNH ĐỘNG EMDP Kiến thức tích lũy của giới tinh hoa của làng sẽ được thừa nhận, nhưng cũng cần phải xem xét kiến thức của những người đã, hoặc vẫn bị loại khỏi quá trình ra quyết định công khai ở cấp làng. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị tài liệu EMDP này, đã có nỗ lực lắng nghe quan điểm của những người không có vai trò nổi bật trong quá trình ra quyết định.	Các thôn làng truyền thống của người Vân Kiều (và cả Pa Cô) thường được hình thành và phát triển dựa trên các yếu tố tự nhiên và văn hóa đặc trưng của vùng núi Trường Sơn: Làng của họ thường được bố trí ở sườn đồi, triền núi hoặc các thung lũng nhỏ, ven suối, những nơi có địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho việc dựng nhà và canh tác nương rẫy. Việc chọn vị trí cao hơn mặt suối, sông cũng giúp tránh lũ lụt. Gần nguồn nước, vị trí làng thường được chọn để dễ tiếp cận cả rừng và các khu vực canh tác, giúp người dân thuận tiện cho việc đi rừng, làm rẫy. Tính biệt lập tương đối: Trong quá khứ, các làng Vân Kiều thường có tính biệt lập cao, cách xa nhau bởi địa hình đồi núi hiểm trở. Điều này giúp duy trì bản sắc văn hóa riêng nhưng cũng hạn chế giao lưu với bên ngoài. Trong các thôn làng truyền thống của người Vân Kiều và Pa Cô, như nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số khác, giới tinh hoa ở đây là những người có uy tín, có trình độ được chọn làm Trưởng thôn đóng vai trò trung tâm trong việc lưu giữ tri thức truyền thống, điều hành công việc chung và đưa ra các quyết định quan trọng. Kiến thức của họ là vô cùng quý giá, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến quản lý tài nguyên, tập quán canh tác, và các luật tục cộng đồng.

Địa vị của phụ nữ, nơi cư trú sau hôn nhân, thừa kế đất đai cho mục đích sinh kế. HÀNH ĐỘNG EMDP Sự hòa nhập xã hội của phụ nữ và người cao tuổi là rất quan trọng và tài liệu EMDP được thiết kế để đảm bảo tiếng nói của hai nhóm này cũng được lắng nghe và xem xét. Tài liệu EMDP ghi nhận rằng đôi khi ưu tiên của những người đàn ông có ảnh hưởng ở trong thôn được coi trọng hơn ưu tiên của phụ nữ hoặc những người già bị thiệt thòi. Ngoài ra, tài liệu EMDP cho thấy những người trẻ, không phân biệt giới tính cũng phải được tham khảo ý kiến vì thành công lâu dài của bất kỳ Chương trình GPT nào đều phụ thuộc vào mức độ sở hữu của những người trẻ.	Phụ nữ Pa Cô đóng vai trò quan trọng trong gia đình và các hoạt động sản xuất của cộng đồng. Họ tham gia vào việc dệt thổ cẩm, một nét văn hóa đặc trưng của người Pa Cô, và các công việc nông nghiệp. Trong xã hội Pa Cô, phụ nữ thường là những người đảm đương vai trò chính trong việc nuôi dạy con cái, giữ gìn mái ấm gia đình và truyền dạy các giá trị văn hóa truyền thống. Nhìn chung vai trò của người phụ nữ Pa Cô trong gia đình đang ngày càng được công nhận và mở rộng, không chỉ gói gọn trong thiên chức làm vợ, làm mẹ mà còn vươn ra đóng góp vào kinh tế và xã hội, hướng tới sự bình đẳng và phát triển bền vững.	Vai trò trong gia đình và xã hội: Phụ nữ Vân Kiều đóng vai trò quan trọng trong gia đình và xã hội. Họ tham gia vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp, dệt vải, và các công việc gia đình. * Bình đẳng giới: Các dự án và chính sách đang được triển khai để thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền kinh tế cho phụ nữ Vân Kiều. Ví dụ, một số dự án đã được triển khai để cải thiện khả năng tiếp cận đào tạo nghề cho phụ nữ Vân Kiều. * Lãnh đạo: Một số phụ nữ Vân Kiều đã trở thành lãnh đạo trong cộng đồng của họ, thể hiện bản lĩnh và khả năng của phụ nữ. Ví dụ, Hồ Thị Ven là Chủ tịch UBND xã Hướng Lập, Hồ Thị Hải Tăng là Trưởng thôn Tà Lao xã Tà Long.
Các chỉ số kinh tế		

Nền tảng truyền thống của nền kinh tế so với nền kinh tế Việt Nam hiện đại. HÀNH ĐỘNG EMDP Không có hành động cụ thể nhưng tài liệu EMDP phản ánh mức độ hiểu biết về cả nền kinh tế truyền thống và hiện đại và mối quan hệ giữa Người Vân Kiều và Pa cô với người Kinh.	Nền kinh tế hiện tại của người Vân Kiều và Pa Cô • Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi: Nhiều hộ gia đình đã chuyển đổi sang các mô hình kinh tế tổng hợp, kết hợp trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ. • Phát triển chăn nuôi: Nuôi lợn bản, dê, bò, gà theo hướng hữu cơ hoặc trang trại đang mang lại thu nhập tốt cho nhiều hộ gia đình. • Khởi nghiệp: Thanh niên Vân Kiều và Pa Cô đã bắt đầu khởi nghiệp với các mô hình kinh tế như nuôi lợn bản, nuôi dê, du lịch cộng đồng. • Ứng dụng khoa học kỹ thuật: Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất giúp tăng năng suất và hiệu quả kinh tế. • Tiếp cận thị trường: Các sản phẩm nông nghiệp và thủ công mỹ nghệ của người Vân Kiều và Pa Cô dần tiếp cận được thị trường rộng lớn hơn, nhiều sản phẩm có thương hiệu, mang đặc trưng về văn hóa tham gia vào chương trình OCOP như: Lúa nếp than, Lợn Vân Pa, Caffe Ta Lư, Khe sanh Caffe... • Du lịch cộng đồng: Phát triển du lịch cộng đồng, khai thác các giá trị văn hóa và cảnh quan thiên nhiên. Các mô hình đang hoạt động rất hiệu quả như: Suối Tà Lao, Suối Pa Cha, Thác Pà Tuồng.
Chỉ số xã hội	
Hộ nghèo có thu nhập bình quân đầu người tháng dưới 2,25 triệu đồng cuối năm 2023 theo tiêu chí của Bộ LĐTBXH (theo Chương trình GPT của Huyện mục tiêu).⁶ HÀNH ĐỘNG EMDP	2 huyện có người DTTS đang sinh sống là Hướng Hóa và Đakrông: - Tổng số hộ dân ở huyện Đakrông: Theo số liệu dân số năm 2023-2024, tổng dân số của huyện Đakrông là khoảng 46.886 người, với hơn 12.000 hộ. Trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 78,6% dân số toàn huyện, chủ yếu là người Bru - Vân Kiều và Pa Cô.

⁶ Số liệu thống kê được cung cấp theo (Bieu Quảng Trị) năm 2023 về ước tính nghèo và cận nghèo tại các huyện thuộc Chương trình GPT được phân tách theo dân tộc. Một số dữ liệu hơi khó hiểu và khó theo dõi và sẽ được cập nhật vào cuối năm 2024.

EMDP sẽ được cải thiện từ việc phân tích dữ liệu cập nhật chặt chẽ hơn và mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, ngay cả khi dữ liệu không hoàn toàn chính xác, nó vẫn cho phép định lượng số lượng hộ gia đình dân tộc thiểu số có thể được nhắm mục tiêu trong EMDP này.	Số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số tại huyện Đakrông - Tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện Đakrông là 38,04%. - Đặc biệt, hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tới 97% tổng số hộ nghèo của huyện. - Như vậy, gần như toàn bộ số hộ nghèo ở Đakrông là hộ dân tộc thiểu số. Các số liệu này cho thấy Đakrông là một huyện miền núi nghèo, với tỷ lệ hộ nghèo cao, và phần lớn trong số đó là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Chính vì vậy, các chương trình giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang được triển khai mạnh mẽ tại địa phương này. Huyện Hướng Hóa: Tổng số hộ dân năm 2021 là 22.793 hộ (theo Quyết định 543/QĐ-UBND năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Trị), có thể ước tính số hộ nghèo ở Hướng Hóa vào cuối năm 2023 là khoảng 5.017 hộ (chiếm 22.01%)
Vai trò của phụ nữ trong nền kinh tế hộ gia đình đặc biệt tập trung vào rừng. HÀNH ĐỘNG EMDP Vấn đề quan trọng này sẽ được đặc biệt chú ý và bắt đầu thông qua phỏng vấn nhóm tập trung FGD, phỏng vấn người cung cấp thông tin chính và khảo sát kinh tế xã hội như một phần của nghiên cứu thực địa.	Phụ nữ Vân Kiều và Pa Cô, với cuộc sống gắn liền với núi rừng Trường Sơn, đóng một vai trò không thể thiếu trong nền kinh tế hộ gia đình, đặc biệt là trong việc khai thác và quản lý tài nguyên rừng. Vai trò của họ thường rất đa dạng và quan trọng, dù đôi khi chưa được nhìn nhận đầy đủ. Phụ nữ Vân Kiều và Pa Cô là những người trực tiếp và thường xuyên vào rừng để thu hái các loại lâm sản ngoài gỗ như măng rừng, nấm, rau dớn, các loại củ, quả rừng, và đặc biệt là các loại cây dược liệu quý
Phạm vi quyền sử dụng đất rừng dành cho hộ gia đình địa phương là người được giao đất (theo tỷ lệ phần trăm).	Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai 2024 (có hiệu lực từ 01/01/2025) quy định các hạn mức tối đa cho việc giao đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ cho hộ gia đình, cá nhân. Những quy định này áp dụng chung trên toàn quốc, bao gồm cả tỉnh Quảng Trị và cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số như Vân Kiều

HÀNH ĐỘNG EMDP Quỹ tỉnh có quyền truy cập số liệu như tổng số trong Bảng 5.4.1 về thực hiện BSP năm 2023 nhưng không được phân tách theo địa phương, nhóm dân tộc, giới tính hoặc thu nhập hộ gia đình, vì vậy không có nhiều giá trị sử dụng trong định dạng hiện tại của tài liệu EMDP.	, Pa Kô. Tại tỉnh Quảng Trị, cộng đồng DTTS được tiếp cận tài chính từ nhiều nguồn khác nhau trong đó có nguồn DVMTR và nguồn thu từ ERPA. - Nguồn DVMTR: Tổng diện tích chi trả 44.118,37ha (Theo số liệu năm 2025) trong đó đối tượng là người DTTS được hưởng lợi: + Hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ: 3.756,42ha chiếm 8.51% + Cộng đồng dân cư: 4.433,13ha chiếm 10,05% - Nguồn ERPA: Tổng diện tích rừng tự nhiên được chi trả toàn tỉnh 126.749,35ha + Hộ gia đình cá nhân: 2.742,43ha chiếm 2,16% + Cộng đồng dân cư: 9.413,34ha chiếm 21,34%.
--	--

5. TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị đánh giá rằng Chương trình GPT sẽ mang lại tác động tích cực cho các nhóm DTTS dựa trên đánh giá của Quỹ và các đánh giá được thực hiện trước đây bởi các chuyên gia độc lập về an toàn xã hội của WB và Chính phủ. Tuy nhiên, theo Khung chính sách DTTS (EMPF), trong quá trình xây dựng tài liệu EMDP, cần xác định không chỉ những lợi ích tích cực mà còn cả các vấn đề tiêu cực có thể xảy ra (như thể hiện trong Bảng 2 bên dưới) và đề xuất các biện pháp giảm thiểu thực tế mà Quỹ tỉnh có thể thực hiện để dẫn đến kết quả đôi bên cùng có lợi.

Bảng 2 Các tác động xã hội tích cực và tiêu cực

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
Lợi ích carbon tiền tệ là khía cạnh tài chính chính của Chương trình GPT và được nêu rõ ràng trong Kế hoạch BSP bản sửa đổi năm 2023 của Chương trình GPT, nhưng không phải tất cả những người Vân Kiều và Pa cô có trong tài liệu EMDP đều nhận được những lợi ích này, nhưng họ có thể hưởng lợi từ các lợi ích carbon phi tiền tệ.	Nguồn thu từ ERPA bằng đã tạo động lực, góp phần nâng cao đời sống cho người dân địa phương đặc biệt là người đồng bào DTTS, thông qua nguồn thu này người dân giảm phụ thuộc vào rừng, từ đó hạn chế tác động tiêu cực đến rừng. Người dân sẽ dần chuyển từ phá rừng để sống sang sống nhờ giữ rừng.	Tất cả các cộng đồng tham gia thỏa thuận quản lý rừng hỗ trợ mô hình sinh kế đều được các chủ rừng tổ chức các buổi tham vấn cộng đồng, họp thôn. Các quyết định đưa ra đều được sự đồng thuận của người dân trong cộng đồng, dù không được hưởng lợi trực tiếp vẫn được hưởng lợi gián tiếp thông qua các mô hình sinh kế công cộng dung chung. Do vậy các tác động tiêu cực hầu như không có.	Thông qua các Hội nghị tham vấn cộng đồng, các buổi làm việc với chủ rừng và địa phương Quỹ tỉnh đã chia sẻ trực tiếp về lợi ích từ chương trình GPT mang lại. Quỹ tỉnh sẽ giải thích rõ ràng cho tất cả các bên liên quan ở cấp thôn rằng ngay cả khi Kế hoạch BSP 2023 không mang lại lợi ích trực tiếp cho họ, thì lợi ích phi carbon vẫn là đáng kể, đạt được theo ba cách quan trọng sau: cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái tăng cường, tiếp cận thông tin và chương trình tài trợ cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ.
Tham vấn trong bất kỳ dự án nào cũng có vai trò quan trọng để đảm bảo các bên	Người Vân Kiều và Pa Cô tại địa phương sẽ được lắng nghe và hiểu các mục tiêu phát	Nếu chỉ tham khảo ý kiến của giới tinh hoa trong làng, gồm tầng lớp trên truyền thống, phụ	Trong các buổi tham vấn cộng đồng Quỹ tỉnh luôn chú trọng đối tượng tham gia phải có thành phần là nữ giới chiếm ít nhất 50%.

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
liên quan hiểu được cả tác động tích cực và tiêu cực. Quỹ tình hiểu điều này nhưng thiếu nguồn lực để thực hiện tham vấn rộng rãi.	triển của dự án. Được nghe về những hỗ trợ như giúp đỡ các hoạt động sinh kế và phát triển cơ sở hạ tầng nhỏ sẽ mang ý nghĩa tích cực	nữ và dân làng nghèo hơn sẽ bị loại khỏi các cuộc thảo luận. Đôi khi cũng có "thông tin sai lệch" về những gì có thể và những gì không, tạo ra sự ngờ vực trong làng.	Quỹ tình muốn chứng minh cho các cộng đồng Người Vân Kiều và Pa Cô thấy rằng họ có thể tin tưởng vào việc chia sẻ lợi ích, và đóng góp ý kiến của mình trong cộng đồng.
Hạn chế tiếp cận rừng tự nhiên gắn với tăng cường và thực hiện các chính sách kiểm soát chuyển đổi rừng tự nhiên và quản trị.	Việc hạn chế tiếp cận vào rừng tự nhiên tác động tích cực nhằm bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên giảm tình trạng phá rừng, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học. Việc giữ rừng tự nhiên giúp hấp thụ và lưu giữ CO ₂ , góp phần giảm phát thải khí nhà kính	Ảnh hưởng đến sinh kế của người dân địa phương. - Xung đột giữa nhà nước và cộng đồng dân cư địa phương khi chính sách hạn chế tiếp cận không được tham vấn kỹ	- Hỗ trợ người dân chuyển đổi nghề nghiệp: trồng rừng sản xuất, nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái..hạn chế phụ thuộc vào rừng - Tham vấn cộng đồng, thực hiện đối thoại, lấy ý kiến cộng đồng trong quá trình xây dựng và triển khai chính sách - Tăng cường giám sát và minh bạch hóa quản lý rừng thông qua các ứng dụng như GIS, ảnh vệ tinh, thiết lập cơ chế phản hồi và giám sát từ cộng đồng.
Làm rõ ranh giới đất rừng nên là một kết quả quan trọng vì nó có khả năng giảm thiểu xung đột giữa các nhóm khác nhau cùng hưởng lợi từ việc sử dụng đất rừng.	Khi ranh giới đất rừng được xác định rõ ràng, các nhóm như người dân địa phương, doanh nghiệp, cơ quan quản lý sẽ biết rõ phạm vi quyền lợi và trách nhiệm, từ đó hạn chế tranh chấp về	Một số cộng đồng có thể mất quyền tiếp cận rừng truyền thống nếu việc đo đạc không tính đến yếu tố lịch sử, văn hóa, hoặc thiếu sự tham vấn đầy đủ. Quá trình đo đạc, xác minh, lập bản	Tham vấn và đối thoại với cộng đồng đảm bảo sự tham gia đầy đủ và thực chất của người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, trong toàn bộ quá trình xác lập ranh giới và giao đất rừng. Nếu việc làm rõ ranh giới khiến một bộ phận dân mất

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
	quyền sử dụng đất, khai thác tài nguyên hay bảo vệ rừng Người dân, đặc biệt là các cộng đồng dân tộc thiểu số, sẽ có cơ hội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó tiếp cận các chính sách hỗ trợ như: tín dụng, chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES), giao khoán bảo vệ rừng...	đồ, cấp giấy chứng nhận đòi hỏi nguồn lực tài chính, nhân lực và thời gian dài, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa.	quyền tiếp cận tài nguyên, cần bố trí chính sách hỗ trợ sinh kế thay thế, như phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, nông – lâm kết hợp, đào tạo nghề,...
Các chính sách, pháp luật và quy định về bảo vệ rừng và quản lý rừng bền vững (SFM) có tác động tích cực và tiêu cực đối với các hộ DTTS.	Các chính sách và quy định về bảo vệ rừng và quản lý rừng bền vững (SFM) nhìn chung có tác động tích cực đối với các hộ dân tộc thiểu số (DTTS) như: giúp bảo vệ tài nguyên rừng gắn liền với sinh kế truyền thống, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào hoạt động quản lý rừng, được hưởng lợi từ chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES) và các chương trình hỗ trợ sinh kế bền vững	Các chính sách này cũng có những tác động tiêu cực nếu thiếu sự tham vấn và hỗ trợ phù hợp, như việc hạn chế quyền tiếp cận rừng truyền thống, mất nguồn thu nhập từ rừng tự nhiên, hoặc khó khăn trong việc thực hiện các quy định pháp lý do rào cản ngôn ngữ và trình độ.	Tăng cường tham vấn và lồng ghép tiếng nói của cộng đồng DTTS trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách; đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và pháp lý, và triển khai các chương trình hỗ trợ sinh kế thay thế phù hợp với điều kiện văn hóa – xã hội của từng cộng đồng. Việc trao quyền thực chất và hỗ trợ tiếp cận thông tin sẽ giúp người dân DTTS tham gia hiệu quả hơn vào quá trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
Liên quan đến sinh kế và sự phụ thuộc vào rừng, an ninh lương thực, đặc biệt là lúa gạo, ngày càng trở nên khó khăn và các chương trình của Chính phủ nhằm khắc phục vấn đề an ninh lương thực bằng cách cung cấp lúa gạo cho các hộ DTTS có thể tạo ra mức độ thụ động và phụ thuộc.	Giải quyết các vấn đề liên quan đến mất an ninh lương thực đóng vai trò quan trọng và cần được coi là tác động tích cực, nhưng nếu Kế hoạch EMDP cũng có thể đảm bảo người Vân Kiều và Pa Cô sẽ là những người tham gia tích cực trong quản lý rừng nhằm bảo tồn các hệ sinh thái quan trọng đối với sản xuất lương thực và đa dạng sinh học, đây sẽ là một kết quả rất tích cực.	Ngay cả khi tình trạng mất an ninh lương thực được giải quyết, có thể có tác động tiêu cực nếu cả người Vân Kiều và Pa Cô đều không nhận thấy là họ đang hợp tác với Chương trình GPT nhằm cải thiện quản lý rừng. Sự thụ động và phụ thuộc xảy ra khi không có quy trình có hệ thống thúc đẩy hợp tác với các nhóm DTTS phụ thuộc vào rừng.	Cần kết hợp hỗ trợ lương thực với các chương trình sinh kế bền vững, như hỗ trợ kỹ thuật canh tác lúa phù hợp với điều kiện địa phương, phát triển nông – lâm kết hợp, đa dạng hóa cây trồng . Xây dựng lộ trình giảm dần hỗ trợ lương thực trực tiếp, thay vào đó là đầu tư vào hạ tầng thủy lợi, giống cây trồng, đào tạo kỹ thuật, giúp người dân tăng năng suất, chủ động hơn về an ninh lương thực lâu dài. Việc trao quyền và khuyến khích sản xuất tự chủ sẽ giúp các hộ DTTS vượt qua sự lệ thuộc và cải thiện đời sống bền vững hơn.
Loại trừ xã hội và giới trong quá trình thực hiện Chương trình GPT có thể dẫn đến tác động tiêu cực đối với phụ nữ và các nhóm bị loại trừ khác như hộ nghèo và dễ bị tổn thương. Trong thời gian gần đây, Chính phủ đã khuyến khích sự tham gia của cả phụ nữ và nam giới một cách có hệ thống	Tác động tích cực mà Kế hoạch EMDP được thiết kế để tạo ra là giúp phụ nữ và các nhóm nghèo và dễ bị tổn thương khác hòa nhập xã hội tốt hơn, đây là một thành phần quan trọng đối với sự tham gia của các bên liên quan. Đảm bảo hòa nhập xã hội và giới là con đường tốt nhất tiến tới đồng sở hữu và thực hiện	Tác động tiêu cực có thể xảy ra nhưng hy vọng có thể tránh được là những nam giới có sẵn địa vị sẽ cảm thấy bị đe dọa và tìm cách gạt bỏ sự tham gia của phụ nữ dẫn đến xung đột giới. Có thể có những trường hợp mà những người sở hữu địa vị hiện tại không muốn thấy địa vị bị thu hẹp bởi các nhóm khác vì họ không	Cần tích hợp tiếp cận giới vào mọi giai đoạn của chương trình GPT – từ thiết kế, triển khai đến giám sát, đánh giá. Đồng thời, cần bảo đảm tiếng nói và quyền đại diện của phụ nữ và các nhóm yếu thế trong các tổ chức cộng đồng; tăng cường năng lực và nhận thức về giới cho cán bộ thực hiện chương trình ở địa phương; lồng ghép các hoạt động nâng cao năng lực, tiếp cận tài chính, đào tạo nghề cho phụ nữ. Việc thúc đẩy sự tham gia công bằng sẽ giúp

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
vào các dự án phát triển, vốn đã trao quyền cho phụ nữ.	hiệu quả bất kỳ dự án phát triển nào ở Việt Nam.	nắm bắt được cơ hội của sự hòa nhập.	chương trình phát huy hiệu quả toàn diện, bền vững và công bằng hơn cho mọi nhóm trong xã hội.
Các hoạt động của Chương trình GPT có thể tác động đến cả di sản văn hóa vật thể và phi vật thể và những gì tạo nên di sản văn hóa phi vật thể thường không được các quan chức và chuyên gia không quen thuộc với văn hóa của hai nhóm DTTS này biết đến.	Trong số các di sản văn hóa vật thể của cả nhóm người Vân Kiều và Pa cô, đó là các địa điểm linh thiêng trong rừng, các địa điểm linh thiêng (một số trong số này nằm trong rừng) liên quan đến Kế hoạch EMDP, và cần đảm bảo chúng vẫn còn nguyên vẹn.	Việc huy động các chuyên gia lâm nghiệp có kiến thức dân tộc học về các địa điểm linh thiêng không phải là vấn đề, nhưng những người cho rằng chúng ít quan trọng hơn so với các vấn đề kỹ thuật quản lý rừng là những người ít nhạy cảm hơn về văn hóa. Nhiều yếu tố cấu thành di sản văn hóa phi vật thể lại không được các quan chức và chuyên gia – đặc biệt là những người không quen thuộc với văn hóa địa phương – hiểu biết đầy đủ, dẫn đến nguy cơ vô tình làm mai một hoặc phá vỡ các giá trị văn hóa truyền thống	Các cán bộ phụ trách BDAT của Quỹ tỉnh cần tự làm quen với các địa điểm linh thiêng này nếu chưa quen thuộc. Loại hoạt động này có thể được coi là hoạt động tăng cường năng lực cho cán bộ và cung cấp kiến thức cho các dự án tiếp theo. Lồng ghép yếu tố bảo tồn văn hóa vào thiết kế và thực hiện chương trình, trong đó ưu tiên tham vấn sâu với cộng đồng người Vân Kiều và Pa Cô. Đồng thời, cần tăng cường năng lực văn hóa cho cán bộ thực hiện, phối hợp với già làng, nghệ nhân và người có uy tín để nhận diện và bảo vệ các giá trị văn hóa phi vật thể. Việc phát triển gắn với bản sắc văn hóa không chỉ giúp bảo tồn di sản mà còn tạo ra hướng đi bền vững, phù hợp và có sự đồng thuận cao từ cộng đồng
Kế hoạch Chia sẻ Lợi ích BSP của Chương trình GPT đã được thiết kế để mang lại lợi	Kế hoạch Chia sẻ Lợi ích (BSP) trong Chương trình GPT được thiết kế nhằm đảm bảo	Đôi khi sống trong các khu vực rừng không có nghĩa là người dân có thể hưởng lợi từ rừng	Thiết lập cơ chế phân phối lợi ích minh bạch, có sự giám sát độc lập và sự tham gia thực chất của cộng đồng. Nên ưu tiên các

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
ích cho những người sống trong các khu vực rừng tham gia thực hiện Chương trình GPT.	người dân sống trong và gần rừng – đặc biệt là các cộng đồng dân tộc thiểu số – được hưởng lợi công bằng từ các hoạt động bảo vệ và quản lý rừng bền vững. Về mặt tích cực, BSP giúp trao quyền cho cộng đồng, tăng cường động lực tham gia bảo vệ rừng, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế và giảm nghèo. Ngoài ra, BSP còn góp phần thúc đẩy công bằng xã hội, thông qua cơ chế phân bổ minh bạch và ưu tiên nhóm yếu thế	vì họ không được tiếp cận với các nguồn tài nguyên.	tiêu chí công bằng, lấy người dân làm trung tâm trong việc xác định đối tượng thụ hưởng. Đồng thời, cần tăng cường năng lực quản lý tài chính, kỹ năng giám sát và ra quyết định cho người dân, đặc biệt là phụ nữ và nhóm yếu thế, để họ chủ động tham gia và kiểm soát quá trình chia sẻ lợi ích. Việc làm tốt BSP sẽ giúp nâng cao hiệu quả và tính công bằng của Chương trình GPT, đồng thời củng cố niềm tin của người dân vào các nỗ lực phát triển bền vững
Nguồn tài trợ từ Chương trình GPT là rất khiêm tốn so với nhu cầu phát triển của cộng đồng địa phương, đặc biệt là các hộ gia đình nghèo và dễ bị tổn thương.	Tuy nguồn tài trợ là khiêm tốn nhưng việc tận dụng nguồn tài trợ này để hưởng lợi từ các dự án khác là một tác động xã hội tích cực và mọi người có thể tăng cường tham gia về mặt xã hội. Bên cạnh đó dù hạn chế, nguồn vốn này vẫn giúp khởi tạo một số mô hình sinh kế nhỏ, nâng	Trong bất kỳ dự án phát triển nào, các hộ gia đình nghèo và dễ bị tổn thương thường chỉ được trao tiếng nói hạn chế và không thể nói ra các ưu tiên của họ một cách hiệu quả.	May mắn thay, ở Việt Nam có nhận thức khá mạnh mẽ về những vấn đề này và những cán bộ thực hiện dự án nhận thức được rằng họ có thể bị xử phạt nếu không xem xét tất cả các ưu tiên. Đồng thời, nên lồng ghép GPT với các chương trình, dự án khác, huy động thêm nguồn lực từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế. Cùng với đó, nâng cao năng lực lập kế hoạch, sử dụng hiệu quả

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
	cao nhận thức và năng lực cộng đồng trong quản lý tài nguyên và bảo vệ rừng.		nguồn tài trợ, và thiết lập cơ chế giám sát minh bạch sẽ giúp tối ưu hóa tác động của Chương trình GPT trong điều kiện tài chính còn hạn chế.
Phần lớn thông tin kỹ thuật liên quan đến Chương trình GPT khá phức tạp và đòi hỏi kiến thức sâu hơn về kỹ thuật so với hiểu biết của hầu hết dân làng.	Thông tin phức tạp có thể được đơn giản hóa, và Chương trình GPT có trách nhiệm thực hiện và chứng minh rằng dân làng cũng có một khối lượng kiến thức mà họ đã tạo ra theo thời gian.	Các chuyên gia thực hiện dự án, nếu kiên quyết chỉ sử dụng kiến thức kỹ thuật, sẽ tạo ra khoảng cách thậm chí ngày càng lớn giữa họ và dân làng địa phương, điều này rất phản tác dụng và không giúp ích cho tiến độ của Chương trình GPT. Dẫn đến sự lệ thuộc vào cán bộ kỹ thuật, giảm tính minh bạch và dễ tạo khoảng cách giữa chính sách và thực tế.	Các cán bộ phụ trách BÐAT của Quỹ tỉnh sẽ được đào tạo và hướng dẫn lặp đi lặp lại về các vấn đề an toàn XH và MT để có hiểu biết đầy đủ về các vấn đề này và sau đó sử dụng những gì đã học được khi phổ biến thông tin ở cấp địa phương. Đơn giản hóa và bản địa hóa thông tin kỹ thuật, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, phiên dịch sang tiếng dân tộc nếu cần, kết hợp với hình ảnh minh họa, thực hành trực quan
Có khả năng gây ra tác động xã hội nếu đầu tư về sinh kế (50 triệu) không được thôn làng hoặc cộng đồng dân tộc thiểu số lựa chọn	Toàn bộ cộng đồng, bao gồm phụ nữ, DTTS, hộ nghèo và hộ dễ bị tổn thương cần được tham gia vào các cuộc thảo luận và lựa chọn cuối cùng về đầu tư sinh kế quy mô nhỏ; trong trường hợp này, tác động	Tất cả các mô hình sinh kế 50 triệu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đều được tham vấn cộng đồng do đó tác động tiêu cực hầu như không có. Một số ít cho rằng mức hỗ trợ khá thấp so với nhu cầu mong muốn	Cán bộ phụ trách BÐAT của Quỹ tỉnh phải đảm bảo rằng toàn bộ dân làng được khuyến khích tham gia thảo luận và ra quyết định về đầu tư sinh kế quy mô nhỏ. Sự tham gia của tất cả dân làng được tăng cường bằng cách đảm bảo rằng các cuộc họp được thông báo trước và tổ chức vào thời điểm phù hợp khi

Tác động xã hội	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Các biện pháp giảm thiểu
	xã hội của khoản đầu tư sẽ mang lại các tác động xã hội tích cực cho cộng đồng.	của họ.	người dân có thời gian và có thể tham dự và yêu cầu các tổ chức đoàn thể trong thôn cùng tham dự. Quỹ tỉnh cũng có thể giao cán bộ BÐAT làm người hỗ trợ để đảm bảo rằng toàn bộ dân làng tham dự họp.
Việc triển khai đầu tư sinh kế quy mô nhỏ trị giá 50 triệu có thể tạo ra cả tác động xã hội tích cực và tiêu cực. Việc thảo luận, quyết định về lựa chọn, địa điểm và đối tượng thụ hưởng của các khoản đầu tư sinh kế quy mô nhỏ có ý nghĩa quan trọng giúp đảm bảo hỗ trợ, hòa hợp xã hội và đồng thuận về quyết định, nếu không có thể dẫn đến bất hòa xã hội.	Miễn là toàn bộ cộng đồng, gồm phụ nữ, DTTS, hộ nghèo và dễ bị tổn thương, tham gia vào các cuộc thảo luận và lựa chọn cuối cùng về đầu tư sinh kế quy mô nhỏ, thì khoản đầu tư sẽ mang lại tác động xã hội tích cực cho cộng đồng. Tác động xã hội cũng mang ý nghĩa tích cực hơn nếu cộng đồng thôn làng có hoạt động tham gia vào phân công việc, nếu công việc mang tính đơn giản.	Nếu toàn bộ cộng đồng, gồm phụ nữ, DTTS, hộ nghèo và dễ bị tổn thương, không tham gia hoặc một bộ phận của cộng đồng không tham gia đầy đủ, hoặc nếu chỉ tham khảo ý kiến của giới tinh hoa trong thôn, gồm giới tinh hoa truyền thống, chỉ tham gia vào các cuộc thảo luận và/hoặc ra quyết định, thì có khả năng việc lựa chọn đầu tư sẽ chỉ mang lại lợi ích cho một bộ phận của cộng đồng, điều này có thể dẫn đến tác động xã hội tiêu cực.	Các cuộc tham vấn và thảo luận ở cấp thôn có vai trò quan trọng giúp đảm bảo rằng toàn bộ cộng đồng thôn có cơ hội thảo luận và đưa ra các quyết định có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của thôn. Những cuộc thảo luận này có thể được thực hiện mang tính hòa nhập xã hội hơn bằng cách đảm bảo rằng các cuộc họp được thông báo trước và tổ chức vào thời điểm phù hợp khi người dân có thời gian và có thể tham dự và yêu cầu các tổ chức đoàn thể trong thôn cùng tham dự. Quỹ tỉnh cũng có thể giao cán bộ BÐAT làm người hỗ trợ để đảm bảo rằng toàn bộ dân làng tham dự họp.

6. CÔNG BỐ THÔNG TIN

Thông tin đã và sẽ được công bố theo yêu cầu của Kế hoạch EMDP này bằng nhiều hình thức khác nhau:

- Công bố chính thức ở cấp huyện và xã, cung cấp thông tin về mục tiêu của các hoạt động thuộc Chương trình GPT hướng tới nhóm DTTS và hỗ trợ cụ thể trên thực tế thuộc các hợp phần thực hiện tại địa phương. Thông tin trên giấy sẽ chỉ có bằng tiếng Việt vì người Vân Kiều và Pa cô⁶ ở đây không có hệ thống chữ viết riêng. Sẽ thử sử dụng thông tin bằng đồ họa nhằm bổ sung cho các tài liệu trên giấy vì giúp tăng khả năng đọc hiểu, hấp dẫn trực quan, giao tiếp nhanh chóng, trực quan hóa dữ liệu, kể chuyện, khả năng chia sẻ và lưu giữ thông tin. Quỹ tình coi việc công bố thông tin chính thức bằng văn bản về các hoạt động của Kế hoạch EMDP là nhiệm vụ quan trọng nhằm tránh trường hợp thông tin bị sai lệch do sử dụng nhiều phương tiện truyền thông xã hội khác nhau được Chính phủ cho phép nhưng không được công nhận là thông tin chính xác⁷. 8 khóa tập huấn đã được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của ủy ban nhân dân, chính quyền địa phương, đảng viên, chủ rừng và cộng đồng. Báo tỉnh đã đăng bài nhằm phổ biến thông tin về Thỏa thuận chi trả GPT, tính đến nay đã có 5 bài báo và 2 phóng sự truyền hình được ra mắt.

- Ở cấp xã và thôn, nơi diễn ra các cuộc tham vấn theo quy định của OP/BP 4.10 của NHTG, người dân địa phương có lựa chọn muốn được tư vấn ngôn ngữ bằng tiếng Việt. Bốn hội nghị tham vấn cộng đồng đã được Quỹ tình tổ chức và có sự tham gia của 142 người, trong đó có 45 phụ nữ và 120 người DTTS. Người ta thấy rằng người trẻ thành thạo hơn trong việc sử dụng tiếng Việt và có thể dịch lại cho những người không biết tiếng, nhưng thông lệ tốt nhất là đảm bảo tất cả mọi người được tham vấn bằng ngôn ngữ mà họ thông thạo.

- Để đảm bảo công bố thông tin mang tính bao trùm, cần tổ chức các cuộc tham vấn cấp địa phương vào thời điểm và tại địa điểm được sự đồng thuận của người tham gia. Thường dân làng bản rộn làm việc trong rừng hoặc các hoạt động tạo thu nhập nên cần thông báo đầy đủ về các cuộc tham vấn. Dân làng cũng cần có thời gian để xem xét liệu họ có muốn tham gia Chương trình GPT hay không. Đối với các nhóm DTTS, đây là nguyên tắc cơ bản nhất gắn liền với cách tiếp cận FPIC.

⁷⁶ Người Vân Kiều và Pa Cô dường như không có ngôn ngữ viết được ghi nhận hoặc hỗ trợ, ngôn ngữ này chỉ có khoảng 500 người dùng trưởng thành mặc dù dân số được ghi nhận là khoảng 6.000 người. Người Bru-Vân Kiều như đã nêu có ngôn ngữ viết cơ bản sử dụng chữ Latinh, đang phát triển và được xem là ổn định và có số lượng lớn hơn nhiều (khoảng 75.000) người sử dụng cả ở Việt Nam và Lào.

Quỹ tình hiểu rằng mặc dù phương tiện truyền thông xã hội là một nền tảng thông tin kỹ thuật số rất hữu ích, nhưng có một số người dùng ứng dụng xã hội sử dụng chúng để cung cấp thông tin khiến việc thực hiện các dự án trở nên khó khăn và thực sự không minh bạch như họ tuyên bố.

7. CƠ CHẾ PHẢN HỒI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Quỹ tỉnh hiểu rõ tầm quan trọng về việc tất cả các nhóm DTTS tham gia Chương trình GPT, cung cấp phản hồi về hoạt động của Chương trình GPT ở tỉnh Quảng Trị và nếu cần, yêu cầu được giải quyết khiếu nại nếu họ cảm thấy cần thiết. Vì vậy, trong các hội nghị tham vấn cộng đồng mà Quỹ tỉnh tổ chức đã lồng ghép cơ chế phản hồi, giải quyết khiếu nại để người dân nắm rõ.

Trên thực tế, dự kiến rằng không phải tất cả các bên liên quan ở cấp địa phương sẽ hoàn toàn hài lòng với Chương trình GPT. Điều này có thể xảy ra nếu có các hạn chế về tiếp cận ảnh hưởng đến sinh kế hiện tại của họ, hoặc nếu các khoản tiền mà họ tin rằng họ được hưởng cho các hoạt động bảo vệ rừng không được chi trả hoặc nếu họ không được tham khảo ý kiến đầy đủ trong các cuộc thảo luận về các hoạt động sinh kế ưu tiên trong Chương trình GPT. Giải quyết các khiếu nại liên quan đến ưu tiên về các hoạt động sinh kế sẽ đòi hỏi tổ chức tham vấn bổ sung vào thời điểm và tại địa điểm mà các bên đồng ý, trong khi đó, việc giải quyết các khiếu nại liên quan đến hạn chế tiếp cận và/hoặc các quyền lợi không được chi trả sẽ phức tạp, tốn thời gian và chi phí hơn. Tuy nhiên, Kế hoạch EMDP đã được chuẩn bị nhằm giúp tất cả các bên liên quan hiểu cách sử dụng cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM) để đảm bảo kết quả đôi bên cùng có lợi.

Sẽ cố gắng đảm bảo rằng bất kỳ khiếu nại nào nhận được đều sẽ được giải quyết nhanh nhất có thể ở cấp thôn bản mà không cần sự hòa giải của Quỹ tỉnh. Tuy nhiên, nếu các vấn đề không thể được giải quyết tại địa phương và cần được đưa lên cấp trên, đã xây dựng cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FRGM) và công bố cho tất cả các bên liên quan theo Kế hoạch EMDP này. Tất cả các khiếu nại sẽ được ghi lại ngay cả khi chúng được giải quyết ở cấp thôn bản. Đối với bất kỳ giai đoạn nào trong quy trình FGRM, các bên liên quan ở cấp thôn không phải chi trả cho bất kỳ hoạt động nào liên quan đến FGRM. Tại Việt Nam, FGRM được thiết kế để cung cấp một quy trình có cấu trúc giúp các cá nhân và cộng đồng nêu lên mối quan ngại và tìm kiếm giải pháp liên quan đến các dự án và chính sách ảnh hưởng đến họ và được đưa vào **Luật Khiếu nại và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020** mà không sợ bị trả thù. Dưới đây là các bước mà một người có khiếu nại cần thực hiện:

1. **Nhận và đăng ký khiếu nại:** bởi đại diện thôn bản do bên bị thiệt hại bầu ra tại nơi người dân đang có yêu cầu giải quyết khiếu nại về các hoạt động của Chương trình GPT sinh sống. Quá trình này có thể diễn ra tại cuộc họp hàng tháng được đề xuất hoặc trên cơ sở không chính thức và trong trường hợp có đơn khiếu nại bằng văn bản, đại diện thôn bản được bầu hoặc một thành viên biết chữ của một tổ chức cấp thôn bản sẽ

hỗ trợ bên bị thiệt hại nếu bên này yêu cầu nộp đơn khiếu nại bằng văn bản. Tuy nhiên, lý tưởng nhất là tất cả các khiếu nại nếu có thể nên được giải quyết ở cấp thôn bản. Cá nhân nộp đơn khiếu nại của họ cho **Ban Giải quyết Khiếu nại cấp thôn (VGRC)** tại thôn bản. Quá trình này có thể được thực hiện bằng văn bản, bằng miệng hoặc qua điện thoại.

2. Xác nhận, Đánh giá và Chỉ định: Ban giải quyết khiếu nại cấp thôn sẽ xem xét khiếu nại để xác định tính hợp lệ và mức độ phù hợp. Nếu khiếu nại nằm ngoài phạm vi của ban cấp thôn, nó sẽ được chuyển đến **Ban Giải quyết khiếu nại cấp xã (CGRC)**.

Điều tra: Ban giải quyết khiếu nại tiến hành điều tra bằng cách tham khảo ý kiến của các bên liên quan và xác minh vấn đề. Một báo cáo xác thực sẽ được chuẩn bị và gửi cho các bên.

Họp giải quyết: Ban giải quyết khiếu nại sẽ tổ chức một cuộc họp với người khiếu nại để thảo luận về khiếu nại và tìm kiếm giải pháp. Cuộc họp được thiết kế để đảm bảo tính minh bạch và cho phép người khiếu nại trình bày về trường hợp của mình.

3. Đề xuất trả lời: Sau đó, ban giải quyết khiếu nại sẽ trả lời về khiếu nại theo một khung thời gian cụ thể, thường là trong vòng **15 ngày làm việc**. Trả lời sẽ bao gồm các phát hiện và mọi hành động đã được thực hiện để giải quyết khiếu nại.

4. Quy trình kháng cáo: Nếu người khiếu nại vẫn không hài lòng với phương án giải quyết, họ có quyền kháng cáo lên **Ban Giải quyết Khiếu nại cấp huyện (DGRC)** và sẽ được **Phòng Tư pháp huyện (DOJ) thông báo** liệu có thể tiếp nhận giải quyết khiếu nại hay không. Thông thường, quá trình này phải được hoàn thành trong vòng 30 ngày.

Kênh cuối cùng của quy trình kháng cáo: Nếu khiếu nại không hài lòng với kết quả kháng cáo ở cấp huyện, họ có thể khiếu nại lên **Sở Tư pháp tỉnh (PDOJ)** trong vòng 45 ngày. Là một phần của quá trình giải quyết khiếu nại, Quỹ tỉnh 1 sẽ cung cấp đầu vào cần thiết dựa trên Khung chính sách DTTS (EMDF) của Chương trình GPT và Kế hoạch EMDP này. Nếu cần thiết, Quỹ tỉnh sẽ báo cáo lên Chương trình GPT cấp quốc gia.

Nếu vẫn không thể giải quyết, người khiếu nại có thể gửi khiếu nại của họ đến **Tòa án** và tòa có 60 ngày để điều tra và đưa ra phán quyết của mình. Phán quyết phải được thông báo trong vòng 10 ngày cho Ủy ban nhân dân tỉnh có khiếu nại.

8. SẮP XẾP THỂ CHẾ

Các sắp xếp thể chế về thực hiện Chương trình GPT đối với các hoạt động chính liên quan đến thực hiện Kế hoạch chia sẻ lợi ích (BSP) ở cấp tỉnh và cấp cơ sở tại tỉnh Quảng Trị được nêu trong Bảng 3 dưới đây.

Cơ quan thực hiện chính của Kế hoạch EMDP là Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (Quỹ tỉnh) với vai trò quản lý và hướng dẫn trực tiếp là Sở Nông nghiệp và Môi trường (và gián tiếp là UBND tỉnh). Quỹ tỉnh cung cấp cán bộ đầu mối và cán bộ hỗ trợ về an toàn xã hội (cán bộ BDAT môi trường và xã hội).

Bảng 3 Các sắp xếp thể chế thực hiện BSP và EMDP tại Quảng Trị⁸

Đơn vị	Tóm tắt các trách nhiệm chính liên quan đến thực hiện BSP
Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị (UBND tỉnh)	Phê duyệt tổng thể BSP cấp tỉnh, ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình GPT, cung cấp dữ liệu về việc thực hiện Chương trình GPT cấp tỉnh, phối hợp triển khai Chương trình GPT với các chương trình khác đang diễn ra trên địa bàn tỉnh, huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ, quản lý và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo Quỹ tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan, ví dụ như Ban Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ để xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GPT, gồm Kế hoạch EMDP. Không cho phép chuyển số tiền chi trả GPT đã thỏa thuận của Chương trình GPT cho các bên khác. Đôn đốc, kiểm tra, theo dõi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình GPT với cơ quan có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật. Hàng năm, báo cáo Bộ NN&MT về kết quả thực hiện Chương trình GPT trước ngày 30/10. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình GPT trên địa bàn tỉnh và báo cáo Bộ NN&MT trước ngày 30/7/2025.
Sở Nông nghiệp và Môi trường (DAE)	Phối hợp với Quỹ tỉnh và Chi cục Kiểm lâm thẩm định kết quả bảo vệ và phát triển rừng, tham gia báo cáo và quản lý thực hiện BSP trong đó có giám sát và đánh giá M&E về việc thực hiện chia sẻ lợi ích trên địa bàn tỉnh. Giám sát việc thực hiện các khía cạnh kỹ thuật theo khuyến nghị của sở

⁸ Bảng 3.7, trang 30-31, Kế hoạch chia sẻ lợi ích của Chương trình GPT khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam, Bộ NN&PTNT-FCPF, tháng 12/2022.

Đơn vị	Tóm tắt các trách nhiệm chính liên quan đến thực hiện BSP
	liên quan (khi cần), Quỹ Trung ương (VNFF) và Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (DFFP).
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (Quỹ tỉnh)	Chịu trách nhiệm giải ngân kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo kế hoạch đã thỏa thuận được UBND tỉnh phê duyệt. Làm việc và hỗ trợ các cán bộ kiểm lâm của tỉnh, những người đã ký hợp đồng với Quỹ tỉnh và cũng gồm cả cán bộ về BĐAT môi trường và xã hội. Phối hợp với các chủ rừng lớn trong việc thực hiện BSP và xây dựng kế hoạch tài chính và thực hiện tổng hợp về BSP với mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Có trách nhiệm thực hiện Kế hoạch EMDP. Quỹ tỉnh chỉ định cán bộ đầu mối về MT & XH để thực hiện các khía cạnh MT & XH của BSP và EMPD và phối hợp với các chủ rừng lớn (Ban QL rừng đặc dụng, Công ty lâm nghiệp Nhà nước, Ban QL rừng phòng hộ) và các xã về việc thực hiện. Xây dựng khung giám sát, đánh giá và báo cáo chung. Giải ngân qua tài khoản ngân hàng, thanh toán điện tử (thanh toán không dùng tiền mặt), công cụ thanh toán qua bưu điện cho các bên liên quan để thực hiện BSP và Chương trình GPT.
Ủy ban nhân dân huyện (DPC)	Cung cấp thông tin về phát triển kinh tế - xã hội và số liệu về hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp trong khu vực thí điểm để chia sẻ lợi ích trên địa bàn huyện theo quy định tại Nghị định về thí điểm chuyển giao kết quả GPT khí nhà kính và quản lý tài chính của Chương trình GPT. Phối hợp tác với Sở NN&MT, Quỹ tỉnh và các chủ rừng lớn trong việc chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chia sẻ lợi ích. UBND huyện là đầu mối của cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM) trong quá trình thực hiện chia sẻ lợi ích tại các đơn vị cơ sở trên địa bàn huyện theo quy định tại Kế hoạch BSP.
Ủy ban nhân dân xã (CPC)	Chủ trì và phối hợp với cộng đồng địa phương và các bên liên quan để xây dựng và thực hiện Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển Rừng, và BSP. Tổ chức họp xã theo quy định tại Nghị định 107. Phối hợp với các chủ rừng lớn và cán bộ MT & XH của Quỹ tỉnh để thực hiện Kế hoạch EMDP. Phối hợp với đội Giám sát & Đánh giá của tỉnh thực hiện công tác giám sát, theo dõi, đánh giá, phê duyệt kết quả bảo vệ và phát triển rừng và chia sẻ lợi ích.

Đơn vị	Tóm tắt các trách nhiệm chính liên quan đến thực hiện BSP
	Cung cấp nguồn nhân lực và phòng họp cần thiết cho quá trình hòa giải; chỉ đạo quá trình hòa giải và phản hồi về việc giải quyết khiếu nại cho người dân, giải quyết các khiếu nại liên quan đến việc chia sẻ lợi ích ở cơ sở.
Ban QL rừng đặc dụng, Ban QL rừng phòng hộ và Công ty lâm nghiệp Nhà nước	Phối hợp với Sở NN&MT, Quỹ tỉnh và UBND xã để quản lý và thực hiện các hoạt động của chương trình BSP, gồm cả việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, trên diện tích đất rừng do Ban QL rừng đặc dụng, Ban QL rừng phòng hộ và Công ty lâm nghiệp Nhà nước quản lý. Làm việc với cán bộ BDAT MT&XH của Quỹ tỉnh về thực hiện Kế hoạch EMDP. Làm việc với UBND xã và cộng đồng để phát triển các dự án sinh kế quy mô nhỏ phù hợp. Làm việc với UBND xã và cộng đồng để ký hợp đồng với cộng đồng về quản lý bảo vệ rừng cộng đồng.

9. NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN

Hiệu quả phát triển đề cập đến mức độ mà các can thiệp phát triển đạt được kết quả dự kiến và đóng góp vào tiến độ tổng thể và phúc lợi của các nhóm dân cư mục tiêu. Bảng 4 và 5 dưới đây đã được tổng hợp và là một phần của Kế hoạch EMDP để liệt kê những hoạt động mà tỉnh Quảng Trị đề xuất Chương trình GPT hỗ trợ và dựa trên tham vấn với cán bộ Quỹ tỉnh và cộng đồng, gồm mức độ liên quan, hiệu suất, hiệu quả, tác động và tính bền vững:

Bảng 4 Tóm tắt các hoạt động đề xuất

Hoạt động đề xuất để hỗ trợ	Tóm tắt các hành động
Hoạt động 1: Tổ chức hội thảo tham vấn cấp xã, có sự tham gia của các cộng đồng được hỗ trợ mô hình sinh kế	Các cuộc họp tham vấn/hội thảo cấp xã để thảo luận và xác nhận các hoạt động có thể được tài trợ trong khuôn khổ Kế hoạch BSP theo Nghị định 107. Tham vấn các cộng đồng về việc hỗ trợ mô hình sinh kế, sàng lọc các vấn đề an toàn xã hội lồng ghép cơ chế khiếu nại, phản hồi.
Hoạt động 2: Xây dựng và thực hiện kế hoạch/chương trình truyền thông	Các hoạt động truyền thông được Quỹ tỉnh đặc biệt chú trọng với nhiều hình thức phong phú phù hợp với nhiều nhóm đối tượng khác nhau: - Phát ấn phẩm truyền thông có in logo ERPA cho tổ tuần tra bảo vệ rừng cho tổ tuần tra bảo vệ rừng

	cho tổ tuần tra bảo vệ rừng như: Mũ bảo hiểm, áo mưa, bình giữ nhiệt... - Tổ chức truyền thông tại trường học lồng ghép các ấn phẩm có in logo phát cho học sinh. - Tuyên truyền lưu động bằng xe ô tô có phát nội dung tuyên truyền về chương trình GPT bằng tiếng Kinh và cả tiếng Bru – Vân Kiều - Xây dựng hệ thống bảng pano tuyên truyền, phát hàng ngàn tờ rơi cho người dân... - Đăng 10 bài đăng trên các báo, tạp chí, 04 phóng sự phát trên VTV8.
Hoạt động 3: Tăng cường năng lực	Quỹ tỉnh đã tổ chức 8 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ UBND các xã, cộng đồng dân cư, giải đáp thắc mắc của người dân trong quá trình triển khai ERPA tại địa phương.

Bảng 5 Hiệu quả phát triển do EMDP tạo ra

Chiến lược	Mô tả	Tác động
Sự tham gia của cộng đồng	Có sự tham gia của cả cộng đồng người Vân Kiều và Pa cô vào việc lập kế hoạch và thực hiện.	Chi các hoạt động có sự tham gia thực chất của cộng đồng, đặc biệt là người dân địa phương, sẽ tạo ra tác động tích cực rõ rệt. Trước hết, sự tham gia giúp tăng tính đồng thuận, trách nhiệm và quyền sở hữu của người dân đối với chương trình hoặc dự án, từ đó nâng cao hiệu quả thực hiện và tính bền vững của kết quả. Người dân sẽ có cơ hội đóng góp tri thức bản địa, lựa chọn mô hình phù hợp với điều kiện văn hóa – xã hội – sinh thái, giúp tránh áp đặt hoặc sai lệch với nhu cầu thực tế. Ngoài ra, sự tham gia còn tăng cường năng lực, niềm tin và vai trò của cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ, người nghèo và nhóm yếu thế.
Tăng cường năng lực	Thúc đẩy đào tạo và nguồn lực để nâng cao kỹ năng và kiến thức	Các hoạt động tăng cường năng lực giúp người dân và cán bộ địa phương nâng cao kiến thức, kỹ năng và tự tin trong việc quản lý rừng, phát triển sinh kế và thực hiện chương trình hiệu quả hơn. Điều này góp phần tăng tính chủ động, giảm phụ

Chiến lược	Mô tả	Tác động
		thuộc, và đảm bảo sự tham gia thực chất của cộng đồng. Tuy nhiên, nếu không phù hợp với trình độ hoặc nhu cầu thực tế, các hoạt động này có thể khó tiếp thu, lãng phí nguồn lực và không tạo ra thay đổi bền vững
Phát triển cơ sở hạ tầng	Cải thiện khả năng tiếp cận đường giao thông nông thôn, nguồn nước sạch, giống vật nuôi... và các cơ sở hạ tầng nông thôn khác	Phát triển cơ sở hạ tầng (đường, điện, nước, trường học...) có tác động tích cực lớn đến đời sống người dân, giúp cải thiện tiếp cận dịch vụ, thúc đẩy giao thương, phát triển sinh kế và giảm nghèo bền vững. Nó cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chương trình phát triển khác.
Tiếp cận dịch vụ	Đảm bảo tiếp cận y tế, giáo dục, cung cấp nước sạch và an sinh xã hội.	Tiếp cận dịch vụ (giáo dục, y tế, khuyến nông, tín dụng...) giúp người dân, đặc biệt là hộ nghèo và dân tộc thiểu số, cải thiện chất lượng cuộc sống, nâng cao kiến thức, chăm sóc sức khỏe và phát triển sinh kế. Đây là yếu tố then chốt để giảm nghèo bền vững. Tuy nhiên, rào cản về ngôn ngữ, địa lý, chi phí và thiếu thông tin khiến nhiều người dân khó tiếp cận đầy đủ và công bằng, dẫn đến thiệt thòi lâu dài.
Bảo tồn văn hóa	Hỗ trợ bảo tồn di sản văn hóa và tập quán truyền thống của người Vân Kiều và Pa cô	Bảo tồn văn hóa giúp gìn giữ bản sắc dân tộc, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và có thể tạo ra cơ hội phát triển du lịch, sinh kế gắn với văn hóa truyền thống. Đây là yếu tố quan trọng góp phần phát triển bền vững và có bản sắc riêng.
Cải thiện quản trị rừng	Cung cấp khả năng tiếp cận rừng tốt hơn và giải quyết các tranh chấp về tiếp cận tài nguyên rừng.	Đảm bảo an ninh quyền sở hữu đất khi cần và năng suất bền vững của đất rừng sử dụng cho các loại lâm sản ngoài gỗ (NTFG) cũng như cho mục đích thương mại.
Chia sẻ lợi	Đảm bảo khả năng	Chia sẻ lợi ích của Chương trình GPT là mục tiêu cơ

Chiến lược	Mô tả	Tác động
ích (lợi ích carbon và phi carbon)	chia sẻ lợi ích từ các hoạt động của Chương trình GPT.	bản trong bất kỳ Kế hoạch BSP nào, Kế hoạch EMDP cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của lợi ích phi carbon và EMDP được thiết kế để đảm bảo càng nhiều người có thể hưởng lợi từ cả lợi ích carbon và phi carbon. Chia sẻ lợi ích từ hoạt động bảo vệ rừng, bao gồm lợi ích carbon (như tài chính từ giảm phát thải khí nhà kính) và phi carbon (sinh kế, quyền sử dụng đất, dịch vụ xã hội...), giúp khuyến khích cộng đồng tham gia bảo vệ rừng, tăng công bằng và cải thiện đời sống.
Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM)	Triển khai hệ thống báo cáo và giải quyết khiếu nại thông qua các cuộc tham vấn cộng đồng	Nhiều người dân được tiếp cận cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM) tuy nhiên hầu hết các hoạt động đề xuất diễn ra ở địa phương đều đảm bảo tính công bằng và minh bạch, do đó chưa có khiếu nại nào xảy ra.
Các biện pháp bảo đảm an toàn xã hội được công nhận	Chứng minh cho các nhà cung cấp lợi ích carbon về mức độ trách nhiệm giải trình và tính minh bạch cao.	Các biện pháp bảo đảm an toàn xã hội nhằm bảo vệ quyền lợi, sự an toàn và phẩm giá của người dân, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số. Những biện pháp này góp phần ngăn ngừa rủi ro, giảm xung đột, bảo vệ môi trường sống và văn hóa, đồng thời tăng tính công bằng và sự đồng thuận xã hội trong quá trình triển khai chương trình

Chỉ có một số ít chủ rừng cá nhân trong số đồng bào DTTS tại tỉnh Quảng Trị được nhận các khoản chi trả BSP để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Trường hợp UBND xã đã ký thỏa thuận bảo vệ rừng với các chủ rừng hoặc tổ chức lớn thì phải lập phương án sử dụng số tiền thu được để quản lý, bảo vệ rừng và nộp lên UBND huyện phê duyệt (việc phê duyệt tổng thể cũng phải phù hợp và tuân thủ quyết định của UBND tỉnh về chính sách bảo vệ rừng).

Điều quan trọng là, Kế hoạch BSP yêu cầu UBND tỉnh xác định các hộ gia đình nghèo và dễ bị tổn thương hơn sẽ được hưởng lợi từ các can thiệp sinh kế do xã quản lý mà không dựa vào rừng. Chính ở đây, Kế hoạch EMDP là rất phù hợp và cán bộ BDAT

của Quỹ tỉnh phải đảm bảo rằng nếu các hộ gia đình này là người Vân Kiều và Pa Cô, họ phải được thông báo về quyền tham gia vào các hoạt động này và được hưởng lợi từ các can thiệp sinh kế. Có thể lập danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện vì Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh (DOLISA) có yêu cầu về danh sách này. Tuy nhiên, để tránh "ảnh hưởng do giới tính hóa thôn bản", vì có thể trường thôn không đưa vào danh sách những hộ gia đình này, cần phải khảo sát các hộ gia đình một cách ngẫu nhiên.

Trong quá trình thực hiện Chương trình GPT, đại diện cộng đồng (không nhất thiết phải là trưởng thôn) được yêu cầu tổ chức họp với tất cả dân làng muốn hưởng lợi từ Kế hoạch BSP, xây dựng một kế hoạch và thông qua tại cuộc họp (ở đây cần tuân thủ các nguyên tắc về FPIC) và có dự toán ngân sách, sau đó nộp cho chủ rừng hợp pháp, ví dụ như Ban QL rừng đặc dụng hoặc Ban QL rừng phòng hộ, v.v. và UBND xã để đồng ký kết.

Nếu các quy trình nêu trên không được tuân thủ nghiêm ngặt thì sẽ là vi phạm nghiêm trọng đối với Kế hoạch EMDP và có thể dẫn đến các khiếu nại cần được giải quyết. Cán bộ MT & XH của Quỹ tỉnh phải làm rõ yêu cầu trong các khảo tập huấn cho cấp huyện hoặc xã. Điều quan trọng không kém là dân làng, gồm cả người dân nghèo và dễ bị tổn thương, phải nhận thức được những yêu cầu này.

10. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ⁹

Để đảm bảo Chương trình GPT nâng cao hiệu quả phát triển, tính minh bạch và bao trùm đối với các DTTS là người Vân Kiều, Pa cô, các hoạt động M&E sau đây sẽ được thực hiện: 1) tiếp tục và cải thiện việc thu thập dữ liệu cơ sở, ví dụ như dữ liệu dân số nên được phân tách theo giới tính và dân tộc; 2) giám sát thường xuyên các hoạt động, ví dụ và cần được quan tâm đặc biệt, là tình trạng thực hiện chia sẻ lợi ích; 3) phản hồi của cộng đồng; 4) giải quyết khiếu nại; 5) xây dựng năng lực; và 6) đánh giá tác động và ai sẽ chịu trách nhiệm. Các nội dung này được trình bày trong Bảng 6 dưới đây về các hoạt động giám sát và đánh giá cho Kế hoạch EMDP.

Các hoạt động này cần được phân tách theo địa phương (thôn, xã, huyện), giới tính (nam và nữ), độ tuổi (thanh niên, trung niên, người già), tình trạng hôn nhân (độc thân, đã kết hôn và ly hôn), trình độ đọc viết và sử dụng ngôn ngữ (ví dụ: ngôn ngữ DTTS 1 hoặc tiếng Bru và Tiếng Việt), các hoạt động sinh kế (kinh doanh hoặc lao động làm công ăn lương dựa vào rừng, nông nghiệp và phi đất đai) và mức thu nhập (nghèo, gần nghèo hoặc không nghèo). Tuy nhiên, để đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan có thể

⁹ Sắp xếp về Giám sát và Báo cáo, trang 42-46, BSP, 2022, op.cit.

xác định các chỉ số mà họ cho là quan trọng và phù hợp với cuộc sống của chính họ mà sẽ bị ảnh hưởng bởi Chương trình GPT, họ sẽ được Quỹ tỉnh mời tham gia xác định các chỉ số này. Kế hoạch EMDP được thiết kế trên cơ sở một đặc điểm chính của việc thực hiện EMDP là phải tham vấn ý kiến của người dân, gồm các DTTS, phụ nữ, người cao tuổi và những người dễ bị tổn thương.

Các chỉ số quan trọng có thể sử dụng trong Báo cáo M&E

Ở giai đoạn này, một số chỉ số đã được xác định có thể được sử dụng, mặc dù không loại trừ các chỉ số khác mà các cộng đồng DTTS địa phương có thể đề xuất. Các chỉ số này gồm: 1) kinh phí được sử dụng cho bảo vệ rừng, ví dụ như các cuộc tuần tra bảo vệ (số lượng và thành phần các cuộc tuần tra) và ngân sách được phê duyệt, và các khu vực tuần tra; 2) số vụ vi phạm rừng tăng/giảm; 3) tỷ lệ phần trăm chi trả được thực hiện qua thanh toán điện tử; 4) tỷ lệ phần trăm chi trả được thực hiện đúng thời hạn; 5) số hộ gia đình DTTS do phụ nữ làm chủ nhận trợ cấp; 6) số lượng hộ DTTS nghèo và dễ bị tổn thương nhận trợ cấp; 7) số lượng người tham gia can thiệp lâm sinh; và 8) cộng đồng tham gia quản lý rừng có sự tham gia, bền vững với chủ rừng là một tổ chức. **Các chỉ số chính ở đây là giới tính, dân tộc, mức độ nghèo và dễ bị tổn thương.**

Bảng 6 Hoạt động giám sát và đánh giá EMDP

Mức độ giám sát	Đơn vị chịu trách nhiệm	Hoạt động chính
Giám sát & đánh giá và báo cáo cấp tỉnh	UBND tỉnh, Sở NN&MT và Quỹ tỉnh	Sở NN&MT báo cáo cho UBND tỉnh dựa trên các báo cáo của Quỹ tỉnh (và cũng báo cáo cho Quỹ Trung ương VNFF) và chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch EMDP đã được chuẩn bị bởi nhóm phụ trách về MT&XH của Sở, rằng tất cả các hoạt động hướng đến hai nhóm DTTS đã được thực hiện đầy đủ, một phần, hoặc vẫn đang dở dang về việc tuân thủ EMDP một cách thỏa đáng, thỏa đáng một phần hoặc không thỏa đáng. Các báo cáo này cũng sẽ khuyến nghị cách giải quyết các tồn tại, hoạt động giám sát cần thiết và thời hạn báo cáo về thành công hay không của các hoạt động đã sửa đổi.

Giám sát ở cấp địa phương	Chủ tịch UBND xã	UBND xã sẽ chịu trách nhiệm giám sát tổng thể tại các thôn bản nơi hai nhóm DTTS sinh sống và đã đồng ý tham gia Chương trình GPT. Để hỗ trợ UBND xã, có các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh. Tuy nhiên, nếu cần thiết, UBND xã có thể yêu cầu hỗ trợ của UBND huyện hoặc Quỹ tỉnh, đặc biệt là trong các hành động liên quan đến Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM) và khi đột xuất, và khi thấy cần thiết, Quỹ tỉnh sẽ ủy quyền cho một hoặc nhiều cán bộ MT & XH có hiểu biết sâu về Kế hoạch EMPD đến thăm từng xã để hướng dẫn giải quyết khó khăn về báo cáo giám sát & đánh giá (M&E) và nếu cần thiết, đề xuất cách tăng cường các hoạt động hiện có.
	Ban QL rừng đặc dụng, Ban QL rừng phòng hộ và Công ty lâm nghiệp Nhà nước	Trong trường hợp các đơn vị này đang thực hiện các hoạt động GPT mà ảnh hưởng đến hai nhóm DTTS nêu trên, các đơn vị này sẽ phải theo dõi và báo cáo tiến độ, cả tích cực và tiêu cực liên quan đến đầu tư sinh kế, hợp đồng khoán bảo vệ rừng đã ký kết, các hoạt động trồng rừng và tái trồng rừng, chuyển đổi luân canh ngắn hạn.
Các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và các nhóm xã hội dân sự	Các đơn vị này không có vai trò chính thức nào trong Kế hoạch EMDP, nhưng Quỹ tỉnh ghi nhận rằng để đảm bảo quyền sở hữu của tất cả các hoạt động GPT mà sẽ ảnh hưởng đến hai nhóm DTTS, các tổ chức hoặc nhóm này có thể làm việc với các nhóm thụ hưởng để theo dõi và báo cáo về việc liệu dân làng có thể hoặc sẽ có thể hưởng lợi từ các hoạt động của dự án hay không và sử dụng Kế hoạch EMDP để đánh giá liệu kết quả có thành công hay không, có thể thành công hoặc sẽ không thành công, ngay cả khi các biện pháp giảm thiểu đề xuất được áp dụng. Các báo cáo sẽ được Quỹ tỉnh rà soát, kết hợp với Văn phòng UB Dân tộc cấp tỉnh.	

11. NGÂN SÁCH

Bảng 7 dưới đây trình bày về ngân sách của Quỹ tỉnh để thực hiện Kế hoạch EMDP hàng năm. Ngân sách nêu rõ các nguồn lực tài chính mà Quỹ tỉnh cần để thực hiện triển khai EMDP.

Bảng 7 Dự toán chi phí thực hiện Kế hoạch EMDP hàng năm¹⁰

Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)
Hoạt động 1. Tổ chức hội thảo tham vấn cấp xã				
Hội nghị tham vấn cộng đồng về ATXH	Cuộc	4	11.022.500	44.090.000
Hoạt động 2. Hướng dẫn chủ rừng là tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động GPT				
Phiên làm việc	Buổi	5	3.752.000	18.760.000
Hoạt động 3: Xây dựng và thực hiện kế hoạch/chương trình truyền thông				770.000.000
Truyền thông trường học	Buổi	1	20.000.000	20.000.000
Phát sóng trên truyền hình (2 phóng sự/năm)	Gói	2	99.000.000	198.000.000
Báo, tạp chí	Bài	5	10.000.000	50.000.000
Ấn phẩm tuyên truyền có in thông tin về ERPA (Mũ bảo hiểm, áo mưa, bình nước giữ nhiệt, vở học sinh, balo...)	Trọn gói			377.000.000
Tuyên truyền lưu động	Chuyến	11	11.363.636	125.000.000
Hoạt động 4: Nâng cao năng lực				
Tập huấn nâng cấp cộng đồng	Sự kiện	8	19.637.000	157.100.000

¹⁰ Những dự toán này ban đầu được tính bằng VNĐ cho phiên bản dự thảo dài hơn trước đó của EMDP và có thể Quỹ tỉnh sẽ làm lại dự toán trước khi hoàn thiện phiên bản này.

Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)
TỔNG				989.950.000 (39.235 USD)

Ngày 15 tháng 12, tỷ giá hối đoái là 1 USD = 25.231,01 VND

12. KẾT LUẬN

Kế hoạch EMDP là một khung chiến lược được thiết kế để giải quyết các nhu cầu và thách thức cụ thể mà các nhóm DTTS phải đối mặt trong chương trình GPT, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn văn hóa và tiếp cận cơ hội một cách bình đẳng thông qua thực hiện các chính sách và chương trình có mục tiêu phù hợp với hoàn cảnh riêng của người DTTS.

Tóm tắt các yếu tố quan trọng của Kế hoạch phát triển DTTS (EMD) được trình bày dưới đây:

- **Đánh giá nhu cầu** - Tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng để xác định các nhu cầu cụ thể về kinh tế xã hội, giáo dục, sức khỏe và văn hóa của các nhóm DTTS sống khác nhau trong một khu vực nhất định.
- **Sự tham gia của cộng đồng và nâng cao nhận thức** - Tích cực thu hút sự tham gia của các cộng đồng DTTS vào quá trình tham vấn và quy trình lập kế hoạch và thực hiện thông qua các phương pháp tiếp cận có sự tham gia để đảm bảo tiếng nói của họ được lắng nghe và nhu cầu được giải quyết đầy đủ.
- **Nâng cao năng lực**- Cung cấp các chương trình tập huấn và phát triển kỹ năng để trao quyền cho các cá nhân làm việc với và trong cộng đồng DTTS nhằm đóng vai trò lãnh đạo và tham gia tích cực vào các hoạt động phát triển.
- **Hỗ trợ ngôn ngữ** - Kết hợp hỗ trợ ngôn ngữ để cho phép giao tiếp hiệu quả và tiếp cận thông tin cho các nhóm DTTS.
- **Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại (FGRM):** Thiết lập một cơ chế giải quyết khiếu nại khả thi, theo đó người DTTS có thể trình bày về trường hợp của họ nếu họ có bất kỳ nghi ngờ hoặc khiếu nại nào về việc thực hiện các cuộc tham vấn và các hoạt động.

- **Giám sát và đánh giá** – Thiết lập cơ chế M&E để theo dõi tiến độ, đánh giá hiệu quả của các chương trình đã thực hiện.

Phụ lục 1

STT	Xã, thôn	Thời gian và ngày tháng	Số lượng và thành phần tham gia				Tóm tắt kết quả tham vấn
			Nam	Nữ	Dân tộc thiểu số	Tổng số	
1	Xã Húc Nghi	13/3/2025				40	
	Thôn Húc Nghi		12	5	15		- Sàng lọc các biện pháp đảm bảo an toàn môi trường xã hội - Lồng ghép cơ chế khiếu nại phản hồi
	Thôn Cựp		15	8	23		
2	Xã Tà Long	7/3/2025				40	
	Thôn Ly Tôn		7	3	10		Thông qua họp công đồng thôn bản, người dân thống nhất lựa chọn mô hình sinh kế phù hợp với nhu cầu của họ.
	Thôn Trại Cá		10	6	16		
	Thôn Tà Lao		5	2	7		
	Thôn Pa Ngây		4		4		
3	Xã Đakrông	6/3/2025				40	
	Thôn Làng Cát		5	3	8		Hầu hết người dân tham gia đều hiểu về lợi ích của chương trình GPT mang lại. Người dân mong muốn được nhận hỗ trợ từ nguồn ERPA kéo dài để giúp tăng thi nhập, cải thiện đời sống, đồng thời được hỗ trợ các mô hình sinh kế hơn nữa để giúp phát triển kinh tế địa phương.
	Thôn Xa Lãng		10	6	16		
	Thôn Pa Tầng		5	5	10		
	Thôn Tà Lêng		4	2	6		